

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG****BỘ TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ**Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội
phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng**

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Linh Ngọc**

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Cao Bằng được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Cao Bằng và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
TỈNH CAO BẰNG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện
1	Thành phố Cao Bằng
2	Huyện Bảo Lạc
3	Huyện Bảo Lâm
4	Huyện Hạ Lang
5	Huyện Hà Quảng
6	Huyện Hòa An
7	Huyện Nguyên Bình
8	Huyện Phục Hòa
9	Huyện Quảng Uyên
10	Huyện Thạch An
11	Huyện Thông Nông
12	Huyện Trà Lĩnh
13	Huyện Trùng Khánh

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 39"	106° 13' 22"					F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 40' 53"	106° 13' 49"	22° 40' 46"	106° 12' 07"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lãng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 29"	106° 12' 35"					F-48-33-C
xóm Bản Lãng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Bản Lây	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 17"	106° 12' 40"					F-48-33-C
xóm Bản Mới	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 36"	106° 13' 08"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng			22° 41' 23"	106° 13' 55"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Trường Cao đẳng Sư phạm Cao Bằng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 52"	106° 13' 29"					F-48-33-C
nhà máy gang thép xóm Giáy	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 12' 54"					
xóm Khau Cút	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Hân 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
Khau Mì	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 24"	106° 12' 16"					F-48-33-C
miếu Khau Roọc	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Roọc	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Xá	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 44"	106° 12' 16"					F-48-33-C
Khuổi Kép	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 39' 12"	106° 12' 25"					F-48-33-C
khú di tích Lưu niệm đồng chí Hoàng Đình Giọng	KX	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 38"	106° 12' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Quác	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 12' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Tanh	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 40' 57"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 12' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Toàn 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sông Măng	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 34"	106° 12' 13"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoàng 1	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 02"	106° 13' 14"					F-48-33-C
xóm Thâm Hoàng 2	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Vô Dặm	DC	P. Đề Thám	TP. Cao Bằng	22° 41' 05"	106° 12' 41"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 26"	106° 15' 04"	22° 39' 41"	106° 15' 31"	F-48-33-D
tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 00"	106° 15' 24"					F-48-33-D
sông Hiền	TV	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 04"	22° 39' 39"	106° 15' 23"	F-48-33-D
chùa Phố Cũ	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sân vận động Thị xã	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng	22° 40' 16"	106° 15' 19"					F-48-33-D
nền nhà Tỉnh ủy Cao Bằng	KX	P. Hợp Giang	TP. Cao Bằng							
quốc lộ 3	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 28"	106° 14' 50"	F-48-32-C
đường tỉnh 203	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 34"	106° 14' 07"	22° 41' 31"	106° 14' 07"	F-48-32-C
xóm Bản Vuôm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 28"	106° 14' 34"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-C
Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 15' 04"					F-48-32-C
xóm Gia Bình	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Gia Cung	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
cầu Gia Cung	KX	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 28"	106° 14' 50"					F-48-32-C
xóm Giã Ngâm	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 01"	106° 14' 16"					F-48-33-C
xóm Khau Thủa 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thủa 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khau Thủa 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Khuổi Dừa	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Nà Bám	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 41' 31"	106° 14' 09"					F-48-33-C
xóm Nà Kéo	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 53"	106° 15' 28"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Pé	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng	22° 40' 59"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sang	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 1	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 2	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Trúc 3	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Xương Gổ	DC	P. Ngọc Xuân	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 1	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 2	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 3	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 4	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 20	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 23	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 24	DC	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
đền Bà Hoàng	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 19"	106° 15' 26"	22° 38' 48"	106° 16' 57"	F-48-33-D
đường Lê Lợi - Pắc Pó	KX	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng			22° 40' 59"	106° 16' 33"	22° 40' 21"	106° 15' 30"	F-48-33-D
đồi Nà Pháy	SV	P. Sông Bằng	TP. Cao Bằng	22° 39' 33"	106° 16' 44"					F-48-33-D
tổ 1	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 2	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 3	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 28"	106° 14' 50"	22° 40' 53"	106° 13' 49"	F-48-32-C
tổ 4	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 5	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 6	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 7	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 8	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 9	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 10	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 11	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng	22° 40' 40"	106° 14' 27"					F-48-33-C
tổ 12	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 13	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 14	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 15	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 16	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 17	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 18	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 19	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 20	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 21	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 22	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 23	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 24	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 25	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 26	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 27	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 28	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 29	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 30	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 31	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
tổ 32	DC	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 40' 25"	106° 15' 03"	22° 41' 04"	106° 13' 54"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	P. Sông Hiến	TP. Cao Bằng			22° 39' 26"	106° 15' 12"	22° 40' 25"	106° 15' 03"	F-48-33-C
tổ 4	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 5	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 6	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 7	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 8	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 9	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 10	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 11	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 12	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 13	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 14	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 15	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 16	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 17	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 18	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 19	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 20	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 21	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
tổ 22	DC	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Cao Bằng	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 39' 14"	106° 16' 05"					F-48-33-D
núi Địa Chất	SV	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng	22° 38' 39"	106° 15' 36"					F-48-33-D
pháo đài Quân sự tỉnh	KX	P. Tân Giang	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng			22° 35' 02"	106° 18' 38"	22° 37' 34"	106° 17' 34"	F-48-33-D
xóm Bàn Nùn	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 56"	106° 19' 29"					F-48-33-D
xóm Bó Giới	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 57"	106° 20' 20"					F-48-33-D
xóm Cốc Găng	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 45"	106° 17' 55"					F-48-33-D
cầu Cốc Găng	KX	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 38"	106° 18' 04"					F-48-33-D
núi Đông Đan	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 49"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khau Tén	SV	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 41"	106° 17' 01"					F-48-33-D
xóm Khuổi Sáo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 12"	106° 17' 46"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 28"	106° 20' 18"					F-48-33-D
xóm Nà Chang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 37' 04"	106° 18' 53"					F-48-33-D
xóm Nà Dĩa	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 34' 45"	106° 19' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Sáo	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 35' 23"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Nà Tàu - Boong Quang	DC	xã Chu Trinh	TP. Cao Bằng	22° 36' 15"	106° 17' 40"					F-48-33-D
xóm 1	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 43"	106° 16' 56"					F-48-33-D
xóm 2	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 16' 53"					F-48-33-D
xóm 3	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 14"	106° 16' 46"					F-48-33-D
xóm 4	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 06"	106° 17' 11"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 37' 34"	106° 17' 34"	22° 38' 45"	106° 16' 33"	F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng			22° 36' 29"	106° 17' 31"	22° 38' 44"	106° 16' 41"	F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Búng Bái	SV	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 17' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Đoóng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 27"	106° 16' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Lùng	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 21"	106° 16' 42"					F-48-33-D
mỏ sắt Nà Lùng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Thỏ	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 03"	106° 17' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Thơm	DC	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 40"	106° 17' 28"					F-48-33-D
Trại giam	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 38' 40"	106° 17' 13"					F-48-33-D
Nhà máy Xi măng	KX	xã Duyệt Trung	TP. Cao Bằng	22° 37' 48"	106° 17' 39"					F-48-33-D
xóm 4A1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4A2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm 4B1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm 4B2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
sông Hiền	TV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng			22° 38' 48"	106° 14' 38"	22° 39' 26"	106° 15' 12"	F-48-33-D
xóm Nà Chường 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Chường 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Nà Gà	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 20"	106° 14' 46"					F-48-33-C
xóm Nà Hoàng	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 38"	106° 14' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Lắc	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 39' 45"	106° 15' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Rùa	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 36"	106° 15' 01"					F-48-33-D
nhà máy Nước	KX	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 41' 14"	106° 14' 01"					F-48-33-D
xóm Pác Cáy	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 56"	106° 15' 03"					F-48-33-D
xóm Tân An 1	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 2	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 3	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
xóm Tân An 4	DC	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng							F-48-33-D
núi Thiên Phán	SV	xã Hòa Chung	TP. Cao Bằng	22° 38' 23"	106° 14' 38"					F-48-33-C
quốc lộ 3	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 46"	106° 12' 07"	22° 39' 55"	106° 11' 42"	F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 40' 40"	106° 11' 51"	22° 39' 59"	106° 10' 49"	F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 2 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 55"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm 3 Nam Phong	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 34"	106° 11' 52"					F-48-33-C
xóm 3 Ngọc Quyền	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 47"	106° 11' 30"					F-48-33-C
xóm 4 Ngọc Quyền	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 13"	106° 11' 21"					F-48-33-C
xóm 5 Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 42' 00"	106° 11' 00"					F-48-33-C
xóm Bàn Lãng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng			22° 42' 23"	106° 10' 52"	22° 41' 42"	106° 12' 06"	F-48-33-C
Cốc Mười	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
xóm Đà Quận	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 11' 00"					F-48-33-C
chùa Đà Quận	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 54"	106° 10' 56"					F-48-33-C
xóm Đồng Chúp	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 44"	106° 11' 52"					F-48-33-C
chùa Đồng Lân	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 10"	106° 06' 48"					F-48-33-C
xóm Hồng Quang	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 41' 25"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Khau Đồn	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 31"	106° 11' 13"					F-48-33-C
xóm Khau Tòng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng	22° 40' 12"	106° 11' 10"					F-48-33-C
xóm Pác Phiêng	DC	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							
đền Quan Triều	KX	xã Hưng Đạo	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đường tỉnh 203	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 31"	106° 14' 07"	22° 42' 02"	106° 11' 33"	F-48-33-C
xóm Bản Ngần	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 57"	106° 03' 53"					F-48-33-C
xóm Ban Tai	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 04"	106° 12' 14"					F-48-33-C
xóm Bản Thín	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 11"	106° 12' 07"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng			22° 41' 42"	106° 12' 06"	22° 41' 23"	106° 13' 55"	F-48-33-C
xóm Đồng Cống	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 49"	106° 13' 51"					F-48-33-D
xóm Đức Chính 1	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C
xóm Đức Chính 2	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
xóm Đức Chính 3	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng							F-48-33-C
đền Kỳ Sầm	KX	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 40"	106° 14' 00"					F-48-33-C
xóm Lò Ngọa	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 04"	106° 03' 17"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Chiêm	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 02"	106° 12' 57"					F-48-33-D
núi Nà Lìn	SV	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 15"	106° 12' 48"					F-48-33-C
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 41' 57"	106° 12' 04"					F-48-33-C
xóm Nà Ma	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
xóm Vò Đuôn	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 03"	106° 11' 42"					F-48-33-C
xóm Vò Tấu	DC	xã Vĩnh Quang	TP. Cao Bằng	22° 42' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-C
tổ dân phố 1	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 42"	105° 40' 24"					F-48-32-A
tổ dân phố 2	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 45"	105° 40' 27"					F-48-32-A
tổ dân phố 3	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 40' 30"					F-48-32-A
tổ dân phố 4	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 51"					F-48-32-A
tổ dân phố 5	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 43"	105° 40' 58"					F-48-32-A
tổ dân phố 6	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 05"	105° 40' 34"					F-48-32-A
tổ dân phố 7	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 53"	105° 40' 21"					F-48-32-A
tổ dân phố 8	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 40' 13"					F-48-32-A
tổ dân phố 9	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
tổ dân phố 10	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 34"	105° 40' 22"					F-48-32-A
tổ dân phố 11	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 07"	105° 40' 45"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 28"	105° 40' 18"	22° 57' 35"	105° 40' 10"	F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 1	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
cầu Bảo Lạc 2	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
núi Khuổi Tàu	SV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 08"	105° 39' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Chùa	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 37"	105° 40' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Dương	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
suối Nà Dương	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 56"	105° 41' 15"	22° 56' 57"	105° 40' 32"	F-48-32-A
xóm Nà Pẩn	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 57' 53"	105° 40' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Pạ	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 40' 03"					F-48-32-A
xóm Nà Sài	DC	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
sông Neo	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 55' 40"	105° 39' 59"	22° 57' 16"	105° 40' 49"	F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Pác Pét chùa Vân An quốc lộ 34 xóm Bản Lũng xóm Bản Rừng núi Căng Lò xóm Cốc Chom xóm Cốc Lũng sông Gâm xóm Khuổi Bốc xóm Khuổi Pét xóm Khuổi Rập xóm Nà Rò xóm Nà Siêm xóm Po Pán	TV	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc			22° 56' 16"	10° 54' 27"	22° 56' 48"	105° 42' 12"	F-48-32-A
	KX	TT. Bảo Lạc	H. Bảo Lạc							
	KX	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 12"	105° 38' 44"	22° 56' 11"	105° 35' 03"	
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 49"	105° 34' 32"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 13"	105° 38' 06"					F-48-32-A
	SV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 54"	105° 34' 27"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 35"	105° 34' 09"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 30"	105° 35' 32"					F-48-32-A
	TV	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc			22° 58' 19"	105° 38' 47"	22° 56' 11"	105° 33' 58"	F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 52"	105° 36' 46"					F-48-32-A
Đồn Biên phòng Cô Ba	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 57' 56"	105° 34' 33"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 55' 47"	105° 35' 27"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 56' 48"	105° 35' 44"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 58' 37"	105° 38' 11"					F-48-32-A
	DC	xã Bảo Toàn	H. Bảo Lạc	22° 59' 53"	105° 35' 31"					F-48-32-A
	KX	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 36"	105° 45' 21"					F-48-32- B+20-D
	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 25"	105° 46' 03"					F-48-32- B+20-D
	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 04"	105° 44' 07"					F-48-20-C
	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 42' 21"					F-48-32-A
	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 00' 37"	105° 47' 13"	22° 56' 48"	105° 41' 26"	F-48-32-A, F-48-32- B+20-D
sông Gâm suối Giường xóm Khuổi Giào thung lũng Láo Lú Lén Trí	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc			23° 02' 04"	105° 44' 54"	23° 01' 09"	105° 45' 29"	F-48-32-A B+20-D
	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 58"	105° 44' 22"					F-48-32-A
	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 51"	105° 45' 10"					F-48-32- B+20-D
	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 10"	105° 45' 42"					F-48-32- B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Cuông	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 02"	105° 44' 45"					F-48-20-C
Lũng Giàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 33"	105° 44' 13"					F-48-20-C
Lũng Nà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 31"	105° 43' 21"					F-48-20-C
Lũng Rào	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 46' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tạc	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 44' 23"					F-48-20-C
xóm Lũng Vây	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc							
Luộc Xà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 15"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
Lý Lũng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 45"	105° 43' 08"					F-48-20-C
núi Mo Thiên Linh	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 57"	105° 46' 05"					F-48-32-B+20-D
Nà Bắng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 48"	105° 46' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Bộp	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 31"	105° 44' 21"					F-48-32-A
Nà Bùn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 44' 24"					F-48-32-A
Nà Cắm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 44' 04"					F-48-32-A
Nà Đin	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 04"	105° 44' 44"					F-48-32-A
xóm Nà Đôm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 20"	105° 42' 54"					F-48-32-A
Nà Đông	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 01"	105° 44' 47"					F-48-32-B+20-D
Nà Hún	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 43"	105° 44' 32"					F-48-32-A
Nà Lai	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 39"	105° 42' 16"					F-48-32-A
Nà Làng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 46"	105° 43' 36"					F-48-32-A
Nà Lềng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 19"	105° 43' 27"					F-48-20-C
xóm Nà Lùng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"					F-48-32-A
Nà Mỏ	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 51"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Phát	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 10"	105° 45' 07"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Nà Rào	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 59"	105° 45' 51"					F-48-32-B+20-D	
Nà Riễn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 13"	105° 44' 27"					F-48-32-A	
xóm Nà Tao	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc								
xóm Ngâm Lồm	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc								
núi Ngâm Lồm	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 50"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D	
suối Nôm	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc					22° 59' 43"	105° 44' 14"	22° 58' 37"	105° 44' 19"
Pác Đin	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 42' 00"						F-48-32-A
núi Pác Đin	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 57' 36"	105° 41' 46"						F-48-32-A
đồi Pác Kéo	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 00"	105° 43' 57"						F-48-20-C
Phía Đeng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 51"	105° 43' 49"						F-48-20-C
Phiêng Lù	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 45' 01"						F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Mòn	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 45' 31"						F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Sáng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 41"	105° 44' 42"						F-48-32-A
Phiêng Tàng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 55"	105° 42' 56"						F-48-32-A
Phiêng Vằng	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 45' 31"						F-48-32-B+20-D
suối Sáp Hồ Sáy	TV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc					23° 00' 58"	105° 45' 06"	23° 01' 09"	105° 45' 30"
bản Tam	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 59' 52"	105° 44' 33"						F-48-32-A
Tênh Nà	DC	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	22° 58' 40"	105° 45' 32"						F-48-32-B+20-D
sườn Thiêng Qua	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 46' 39"						F-48-32-B+20-D
lũng Vây	SV	xã Cô Ba	H. Bảo Lạc	23° 02' 26"	105° 43' 29"						F-48-20-C
đường tỉnh 217	KX	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc					22° 59' 46"	105° 38' 46"	23° 03' 15"	105° 34' 55"

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chè Léch	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 20"					F-48-20-C
suối Cốc Cầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 21"	105° 36' 21"	23° 00' 13"	105° 38' 12"	F-48-20-C
xóm Cốc Mòn	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	105° 37' 53"					F-48-20-C
suối Cốc Mòn	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 10"	105° 37' 58"	23° 00' 22"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Cốc Muối	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 58"	105° 39' 44"					F-48-20-C
xóm Cốc Pàng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 14"	105° 34' 54"					F-48-20-C
xóm Cốc Sầu	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 36"	105° 34' 48"					F-48-20-C
suối Cốc Sầu	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 00' 22"	105° 37' 25"	22° 59' 46"	105° 38' 42"	F-48-20-C; F-48-32-A
Cốc Sý	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 19"	105° 40' 14"					F-48-20-C
xóm Khuổi Đăm	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 52"	105° 38' 47"					F-48-20-C
Khuổi Khau	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc							
Khuổi Là	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 19"	105° 34' 27"					F-48-20-C
xóm Khuổi Sá	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 22"	105° 36' 11"					F-48-20-C
xóm Khuổi Tăng	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 29"	105° 36' 52"					F-48-20-C
suối Lê	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 15"	105° 36' 53"	23° 00' 23"	105° 37' 52"	F-48-20-C
Lũng Cò	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	2° 30' 02"	105° 38' 23"					F-48-20-C
khuổi Nà	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 13"	105° 34' 47"	23° 03' 03"	105° 33' 49"	F-48-20-C
xóm Nà Nộc	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 29"	105° 37' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Cam	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 36"	105° 39' 26"					F-48-20-C
Nà Là	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 04' 23"	105° 38' 11"					F-48-20-C
suối Nà Linh	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 01' 43"	105° 39' 49"	23° 00' 13"	105° 38' 12"	F-48-20-C
xóm Nà Luông	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 29"	105° 37' 15"					F-48-20-C
suối Nà Luông	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 04' 42"	105° 38' 07"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Nà Mía	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 03' 01"	105° 39' 14"					F-48-20-C
xóm Nà Nhung	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 43"	105° 39' 14"					F-48-20-C
Nà Pù	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 34"	10° 53' 66"					F-48-20-C
xóm Nà Rai	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 01' 39"	105° 38' 37"					F-48-20-C
Nà Tả	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 16"	105° 38' 29"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Pác Cáp	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 00' 20"	105° 38' 00"					F-48-20-C
suối Pàng	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 03' 11"	105° 39' 14"	23° 02' 10"	105° 37' 58"	F-48-20-C
xóm Văng Có	DC	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc	23° 02' 14"	105° 37' 24"					F-48-20-C
suối Xá	TV	xã Cốc Pàng	H. Bảo Lạc			23° 02' 50"	105° 35' 50"	23° 03' 22"	105° 35' 01"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 45' 11"	105° 49' 39"	22° 48' 15"	105° 46' 58"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Buồng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 03"	105° 44' 34"					F-48-32-A
xóm Bản Chồi	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 47"	105° 47' 40"					F-48-32-B+20-D
suối Bản Chồi	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Miồng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 35"	105° 46' 24"					F-48-32-D
xóm Bản O	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 00"	105° 47' 20"					F-48-32-D
Bết	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 12"	105° 44' 31"					F-48-32-A
Bó Pu	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 46' 11"					F-48-32-B+20-D
Cáp Kẽ	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 54"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Thóc	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 22"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Đả Pành	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 26"	105° 48' 57"					F-48-32-B+20-D
Háng Miêu (Háng Miảo)	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Kéo Van	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 04"	105° 48' 53"					F-48-32-B+20-D
xóm Khưa Lốm	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc							
Khuổi Pét	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 08"	105° 46' 45"					F-48-32-B+20-D
Lũng Muối	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Quáng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 46"	105° 47' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vài	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 47' 20"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D
suối Miêu (Miống)	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 37"	105° 46' 22"	22° 46' 20"	105° 45' 57"	F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Làng	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 42"	105° 49' 50"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Lìn	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 52"	105° 48' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Pát	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 38"	105° 48' 49"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 44' 25"	105° 47' 44"	22° 45' 58"	105° 47' 06"	F-48-32-B+20-D
núi Nhật Bá	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 48"	105° 43' 59"					F-48-32-C
Pác Cáp	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 44' 30"	105° 48' 16"					F-48-32-D
xóm Phia Khao	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 33"	105° 47' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Sáng	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 42"	105° 46' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Châu 1	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 57"	105° 45' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Châu 2	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 19"	105° 46' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Puối Chang	DC	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 46' 40"	105° 47' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Sinh Dáng	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 21"	105° 46' 42"					F-48-32-B+20-D
núi Sù Phùng Đỏ	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 14"	105° 48' 18"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tát Pà	TV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc			22° 46' 16"	105° 49' 34"	22° 45' 29"	105° 48' 56"	F-48-32-B+20-D
núi Tù Cung Bỏ	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 49' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Vườn Chù Chong	SV	xã Đình Phùng	H. Bảo Lạc	22° 45' 52"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Ca Dầm	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 49' 10"					F-48-32-B+20-D
núi Hồ Phi Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 44"	105° 50' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Hoi Ngừa	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 49' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Hoi Ngừa	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 57"	105° 50' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Sầu	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 48"	105° 50' 29"					F-48-32-B+20-D
xóm Mỹ Lũng	DC	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 51' 00"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Kào	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 24"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Phía Khau	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 52' 04"	105° 50' 30"					F-48-32-B+20-D
núi Sàng Lũng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 13"	105° 52' 11"					F-48-32-B+20-D
núi Tà Chung	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 50' 36"	105° 51' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Tròng Pèng	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 06"	105° 49' 31"					F-48-32-B+20-D
núi Vải Thai	SV	xã Hồng An	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 51' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Ao Li	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 47"	105° 38' 34"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Khuông	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Bản Pây (Bản Piây)	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 27"	105° 40' 19"					F-48-32-A
xóm Cốc Xá Dưới	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 19"	105° 38' 00"					F-48-32-A
xóm Cốc Xá Trên	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 56' 36"	105° 37' 58"					F-48-32-A
Trường Dân tộc nội trú huyện	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 02"	105° 40' 15"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 37"	105° 39' 20"					F-48-32-A
xóm Khâu Pầu	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Lũng Tiên	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 25"	105° 37' 09"					F-48-32-A
xóm Nà Cao	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 56"	105° 39' 37"					F-48-32-A
Nà Cát	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 03"	105° 40' 17"					F-48-32-A
xóm Nà Đuôn	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 52' 56"	105° 42' 13"					F-48-32-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 37' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tền	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 58' 03"	105° 39' 07"					F-48-32-A
xóm Nà Van	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 54"	105° 38' 02"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc			22° 51' 53"	105° 40' 19"	22° 56' 30"	105° 40' 15"	F-48-32-A
núi Phia Đì	SV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 54' 20"	105° 42' 00"					F-48-32-A
xóm Thang Buồng	DC	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc	22° 55' 04"	105° 39' 54"					F-48-32-A
chùa Vân An	TV	xã Hồng Trị	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 51' 55"	105° 40' 21"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
suối Bản Riền	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 50' 55"	105° 43' 11"	22° 51' 01"	105° 42' 31"	F-48-32-A
Càng Luồng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 48"	105° 42' 23"					F-48-32-A
xóm Cốc Ngòi	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 41"	105° 42' 41"					F-48-32-A
xóm Khau Pa	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 49' 12"	105° 42' 52"					F-48-32-A
xóm Khuối Tắc	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
khuối Lắm	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 52' 02"	105° 42' 05"	22° 51' 14"	105° 41' 43"	F-48-32-A
xóm Nà Chảo	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 08"	105° 42' 20"					F-48-32-A
Nà Khuối	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 32"	105° 42' 53"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Tông	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 47' 54"	10° 54' 23"					F-48-32-A
xóm Năm Đung	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 42' 35"					F-48-32-A
xóm Năm Xú	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 48' 53"	105° 42' 16"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Ngâm Vàng	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 31"	105° 43' 01"					F-48-32-A
núi Ngâm Vàng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 19"	105° 42' 55"					F-48-32-A
xóm Phiêng Nà	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 50' 18"	105° 43' 32"					F-48-32-A
Pù Mía	DC	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 51' 38"	105° 41' 39"					F-48-32-A
khuổi Rào	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc			22° 49' 17"	105° 41' 50"	22° 51' 00"	105° 42' 10"	F-48-32-A
núi Rào Mưng	SV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc	22° 52' 10"	105° 42' 22"					F-48-32-A
nậm Sủ	TV	xã Hưng Đạo	H. Bảo Lạc							F-48-32-A
xóm Ban Cuốn	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 21"	105° 40' 32"					F-48-32-A
Bản Duồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 37' 36"					F-48-32-A
suối Chàng	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 48' 41"	105° 37' 59"	22° 51' 18"	105° 40' 31"	F-48-32-A
xóm Chàng Hạ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 08"	105° 41' 07"					F-48-32-A
núi Khâu Sa	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 39' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Sủ	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 41' 30"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mực	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 58"	105° 39' 06"					F-48-32-A
Khuổi Sứa	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 33"	105° 39' 13"					F-48-32-A
Nà Càng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 49' 15"	105° 38' 31"					F-48-32-A
Nậm Luông	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 47' 17"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Nậm Luông	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 30"	105° 36' 51"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc			22° 46' 50"	105° 43' 24"	22° 48' 03"	105° 42' 02"	F-48-32-A
xóm Phiêng Buồng	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 06"	105° 37' 03"					F-48-32-A
núi Phù Hưng	SV	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 19"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thượng A	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Thượng B	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 48' 09"	105° 39' 38"					F-48-32-A
xóm Vàng Lình	DC	xã Hưng Thịnh	H. Bảo Lạc	22° 50' 54"	105° 40' 10"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 47' 46"	105° 47' 36"	22° 50' 05"	105° 44' 31"	F-48-32-A
xóm Bản Bét	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ngà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 03"	105° 44' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Cắm Dưới	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 54"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
xóm Cắm Trên	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 09"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Chư Lầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 24"	105° 45' 10"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Sỉ	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Khâu Trường	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuồi Ruộm	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 49"	105° 43' 59"					F-48-32-A
xóm Lũng Giào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hò	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 58"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuôn	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 37"	105° 45' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Lài	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 29"	105° 46' 25"					F-48-32-B+20-D
suối Lũng Lài	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 50' 17"	105° 45' 35"	22° 50' 46"	105° 46' 27"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pán	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 42"	105° 46' 41"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Pán	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 02"	105° 46' 50"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lũng Pán	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 48' 23"	105° 46' 11"	22° 47' 27"	105° 45' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pèng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Rạc	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 15"	105° 44' 53"					F-48-32-A
núi Ma Năng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 00"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Mào Xan	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 16"	105° 47' 34"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
núi Nà Chèn	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 46' 53"	105° 45' 30"					F-48-32-B+20-D
thủy điện Na Han	KX	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 00"	105° 43' 06"					F-48-32-A
Nà Han	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 45"	105° 42' 31"					F-48-32-A
Nà Tùng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 01"	105° 43' 09"					F-48-32-A
xóm Nậm Cóp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 47' 07"					F-48-32-B+20-D
sông Neo	TV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc			22° 46' 33"	105° 45' 34"	22° 47' 37"	105° 42' 11"	F-48-32-A
núi Pác De	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 58"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Lũng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 51"	105° 44' 25"					F-48-32-A
đèo Pác Lũng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 01"	105° 45' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Trà	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 24"	105° 45' 41"					F-48-32-B+20-D
Phiêng Cọc	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 55"	105° 43' 44"					F-48-32-A
Phiêng Co	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 29"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Phiêng Páng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 28"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Vàng	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phương Dật	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 51' 51"	105° 44' 30"					F-48-32-A
núi Pía Cầu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 07"	105° 43' 35"					F-48-32-A
núi Pín Vàng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 49' 09"	105° 44' 48"					F-48-32-A
Pù Lầu	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 36"	105° 43' 36"					F-48-32-A
xóm Pù Ngào	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 47' 50"	105° 45' 48"					F-48-32-B+20-D
núi Sầm Lùng	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 17"	105° 45' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Sầm Nùng Pẩu	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 32"	105° 45' 26"					F-48-32-B+20-D
Thun Hốp	DC	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 48' 24"	105° 49' 24"					F-48-32-B+20-D
núi Thung Lai	SV	xã Huy Giáp	H. Bảo Lạc	22° 50' 13"	105° 46' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Diêm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 58"	105° 45' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Phưởng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 50"	105° 43' 52"					F-48-32-A
xóm Cà Lò	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 55"	105° 48' 15"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 58' 57"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Pục	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 39"	105° 43' 36"					F-48-32-A
dốc Cổng Trời	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 51"	105° 46' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Hồ Lù	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 15"	105° 46' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Kha Rào	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 42' 27"					F-48-32-A
suối Khuổi Sáng	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 56' 02"	105° 42' 42"	22° 56' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
dốc Lai Thôn	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 07"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Chàm	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 26"	105° 46' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuyết	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 51"	105° 46' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Piao	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	23° 00' 01"	105° 47' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quẩy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 17"	105° 47' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 57"	105° 46' 55"					F-48-32-B+20-D
Mác Neng	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 44"	105° 47' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Luông	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 35"	105° 44' 31"					F-48-32-A
xóm Nà Quy	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Pác Kéo	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 57' 38"	105° 47' 11"					F-48-32-B+20-D
lũng Pèng Đèo	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 59' 09"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
suối Phia Héo	TV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 15"	22° 56' 17"	105° 42' 08"	F-48-32-A
núi Pù Yên Mạ	SV	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 55' 45"	105° 43' 08"					F-48-32-A
xóm Thăm Han	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc							
xóm Xum Hẩu	DC	xã Khánh Xuân	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 44' 25"					F-48-32-A
xóm Cốc Đúc	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 21"						F-48-32-A
xóm Cốc Muối	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 38' 10"					F-48-32-A
Cốc Tém	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 24"	105° 38' 09"					F-48-32-A
xóm Duông Rình	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 39' 04"					F-48-32-A
suối Duông Rình	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 53' 49"	105° 38' 47"	22° 53' 50"	105° 39' 53"	F-48-32-A
Khau Sáng	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 17"	105° 37' 39"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Khon	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 35"	105° 41' 42"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pao	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 50"	105° 40' 34"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rù	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 21"	105° 39' 23"					F-48-32-A
xóm Nà Nằm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc							
xóm Nà Soen	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 48"	105° 38' 45"					F-48-32-A
sông Neo	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 54"	105° 40' 19"	22° 53' 55"	105° 40' 09"	F-48-32-A
xóm Ngâm Lôm	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 51' 21"	105° 39' 02"					F-48-32-A
xóm Pác Puông	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 40' 01"					F-48-32-A
xóm Phiêng Tác	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 51"	105° 38' 27"					F-48-32-A
xóm Pom Cuôn	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 53' 30"	105° 38' 43"					F-48-32-A
suối Quang Mẫu	TV	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc			22° 51' 23"	105° 39' 08"	22° 52' 00"	105° 40' 08"	F-48-32-A
xóm Slam Kha	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 52' 44"	105° 39' 05"					F-48-32-A
xóm Tát Kè	DC	xã Kim Cúc	H. Bảo Lạc	22° 50' 32"	105° 37' 39"					F-48-32-A
xóm Bó Chiếu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 56' 04"	105° 41' 44"					F-48-32-A
xóm Bó Tẹ	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 08"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lại	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 52"	105° 45' 13"					F-48-32-B+20-D
Cốc Xi	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 44' 11"					F-48-32-A
xóm Khuổi Sầu	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 24"	105° 44' 42"					F-48-32-A
xóm Lũng Vài	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 29"	105° 46' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Mè Ván	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 43"	105° 43' 22"					F-48-32-A
núi Nậm Dân	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 04"	105° 46' 39"					F-48-32-B+20-D
suối Nậm Dân	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 52' 04"	105° 47' 01"	22° 54' 41"	105° 45' 32"	F-48-32-B+20-D
xóm Nậm Dân	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Nam Giam	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 08"	105° 47' 48"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngâm Càng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 03"	105° 43' 54"					F-48-32-A
xóm Pác Lác	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 49"	105° 45' 52"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 45"	105° 45' 23"					F-48-32-B+20-D
pu Pát Bà	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 22"	105° 43' 45"					F-48-32-A
xóm Phần Quang	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 45' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Phía Héo	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 09"	105° 42' 03"					F-48-32-A
suối Phía Héo	TV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc			22° 55' 10"	105° 42' 14"	22° 56' 16"	105° 42' 07"	F-48-32-A
xóm Phía Tăng	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
xóm Phiêng Dịt	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc							
núi Pù Vĩ	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 32"	105° 41' 28"					F-48-32-A
xóm Thăm Thon A	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 54' 26"	105° 42' 27"					F-48-32-A
xóm Thăm Thon B	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 55' 07"	105° 42' 33"					F-48-32-A
xóm Thôm Quan	DC	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 52' 46"	105° 43' 52"					F-48-32-A
núi Trên Pác Lác	SV	xã Phan Thanh	H. Bảo Lạc	22° 51' 52"	105° 45' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Óng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 02"	105° 36' 24"					F-48-32-C
núi Khau Ho	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 42"	105° 37' 01"					F-48-32-C
Khiêu Hạ	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 45"	105° 37' 50"					F-48-32-C
Khiêu Thượng	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 40' 55"	105° 35' 20"					F-48-32-C
Khuổi Đậu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 59"	105° 35' 55"					F-48-32-C
xóm Khuổi Tầu	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 26"	105° 36' 29"					F-48-32-C
núi Năm Khiêu	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 41' 05"	105° 35' 13"					F-48-32-C
núi Năm Yên	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 37"	105° 35' 43"					F-48-32-C
Năm Yên	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 44' 38"	105° 37' 50"					F-48-32-C
sông Năng	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 27"	105° 35' 28"	22° 43' 32"	105° 38' 56"	F-48-32-C
xóm Ông Théc	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 27"	105° 35' 52"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phía Pàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 13"	105° 37' 28"					F-48-32-C
suối Phía Pàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 44' 19"	105° 35' 42"	22° 43' 12"	105° 37' 40"	F-48-32-C
núi Phya Đa	SV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 43' 35"	105° 35' 40"					F-48-32-C
xóm Thôm Ngàn	DC	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc	22° 42' 30"	105° 35' 14"					F-48-32-C
suối Thôm Ngàn	TV	xã Sơn Lập	H. Bảo Lạc			22° 41' 44"	105° 34' 50"	22° 41' 27"	105° 35' 28"	F-48-32-C
xóm Bàn Khiếu	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 15"	105° 40' 36"					F-48-32-C
xóm Bàn Khuông	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 49"	105° 40' 06"					F-48-32-C
xóm Bàn Riêng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 22"	105° 39' 08"					F-48-32-C
xóm Bàn Tuồng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
núi Bó Còi	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 58"	105° 41' 54"					F-48-32-C
bản Bồng	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 29"	105° 39' 25"					F-48-32-A
khau Cà	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 40' 30"					F-48-32-A
núi Còi Chí	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 38"	105° 41' 34"					F-48-32-C
bản Cuốn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 47' 13"	105° 39' 53"					F-48-32-A
xóm Dân Tờ	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 47' 02"	105° 39' 23"					F-48-32-A
Đồn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 43' 39"	105° 41' 14"					F-48-32-C
núi Đông Xoét	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 25"	105° 41' 12"					F-48-32-A
xóm Khau Cà	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 00"	105° 40' 14"					F-48-32-A
Khơ Chong	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 53"	105° 43' 25"					F-48-32-A
Khuổi Luội	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 45"	105° 41' 05"					F-48-32-A
Khuổi Phay	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 46' 11"	105° 42' 18"					F-48-32-A
khuổi Khuông	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 49"	105° 39' 52"	22° 44' 24"	105° 39' 50"	F-48-32-A
Lũng Thôm	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 42"	105° 39' 03"					F-48-32-C
núi Lũng Thơm	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 53"	105° 38' 39"					F-48-32-C
suối Lũng Thơm	TV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc			22° 45' 26"	105° 38' 18"	22° 44' 27"	105° 39' 17"	F-48-32-A
Nà Bàn	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 17"	105° 42' 04"					F-48-32-A
Nà Cài	DC	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 44' 36"	105° 43' 28"					F-48-32-C
núi Nà Chấn	SV	xã Sơn Lộ	H. Bảo Lạc	22° 45' 26"	105° 39' 31"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Khuổi	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc							F-48-32-C
Nà Lào	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 44' 26"	105° 40' 26"					F-48-32-C
Nà Pa	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 45' 10"	105° 39' 49"					F-48-32-A
Nà Trang	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 43' 56"	105° 42' 19"					F-48-32-C
Nậm Kẹm	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 42' 35"					F-48-32-A
Phia Càng	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 45' 15"	105° 43' 07"					F-48-32-A
xóm Phiêng Lặng	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 44' 32"	105° 42' 19"					F-48-32-C
xóm Pù Mỏ	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 44' 00"	105° 41' 04"					F-48-32-C
núi Pù Mỏ	SV	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 44' 20"	105° 41' 11"					F-48-32-C
núi Sum Ngần	SV	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 45' 44"	105° 43' 04"					F-48-32-A
núi Tát Riêng	SV	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 44' 25"	105° 38' 32"					F-48-32-C
Tổng Cột	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 43' 52"	105° 41' 03"					F-48-32-C
Tổng Kiều	DC	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc	22° 43' 46"	105° 41' 04"					F-48-32-C
khuổi Tuồng	TV	xã Sơn Lô	H. Bảo Lạc			22° 46' 00"	105° 41' 48"	22° 43' 55"	105° 41' 14"	F-48-32-C
quốc lộ 34	KX	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 35"	105° 40' 10"	22° 58' 12"	105° 38' 44"	F-48-32-A
khuổi A	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 46"	105° 38' 42"	22° 58' 55"	105° 38' 27"	F-48-32-A
xóm Bàn Chang	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 04"	105° 42' 34"					F-48-20-C
xóm Bó Vải	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 02"	105° 41' 32"					F-48-20-C
núi Chè Vín	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 47"	105° 39' 23"					F-48-32-A
núi Cốc Muối	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 13"	105° 40' 21"					F-48-20-C
xóm Cốc Thóc	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 18"	105° 42' 25"					F-48-20-C
sông Gám	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 57' 55"	105° 40' 28"	22° 58' 19"	105° 38' 47"	F-48-32-A
Già Mò	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 03' 32"	105° 41' 15"					F-48-20-C
Khuổi A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 06"	105° 39' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Chũ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 22"	105° 40' 25"					F-48-20-C
xóm Khuổi Nỏ	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Khuổi Pẩu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 14"	105° 38' 53"					F-48-32-A
xóm Khuổi Pút	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Lũng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 00' 52"	105° 39' 53"	22° 59' 39"	105° 38' 49"	F-48-20-C; F-48-32-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
xóm Lũng Pẩn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 53"	105° 42' 18"					F-48-20-C
Nà Cắt	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 51"	105° 41' 34"					F-48-32-A
Nà Chảo	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 49"	105° 40' 59"					F-48-20-C
xóm Nà Dạn	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 42"	105° 40' 39"					F-48-32-A
xóm Nà Đưa	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 01"	105° 38' 53"					F-48-32-A
Nà Luông	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 38"	105° 38' 15"					F-48-32-A
Nà Ma	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 59"	105° 41' 23"					F-48-32-A
suối Nà Ngâm	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 59' 03"	105° 40' 55"	22° 58' 41"	105° 39' 59"	F-48-32-A
xóm Nà Ngâm A	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 00' 34"	105° 41' 31"					F-48-20-C
xóm Nà Ngâm B	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 42"	105° 41' 01"					F-48-32-A
xóm Nà Quăng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 02"	105° 41' 11"					F-48-20-C
suối Nà Quăng	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 02' 01"	105° 41' 53"	23° 02' 14"	105° 41' 02"	F-48-20-C
xóm Nà Ra	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 46"	105° 42' 09"					F-48-20-C
xóm Nà Sài	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc							
suối Nà Tản	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 01' 01"	105° 41' 55"	23° 01' 13"	105° 40' 38"	F-48-20-C
xóm Nà Tền	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 25"	105° 39' 10"					F-48-32-A
xóm Nà Tông	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 48"	105° 39' 21"					F-48-32-A
xóm Nà Viêng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 59' 24"	105° 41' 24"					F-48-32-A
Ngâm Giàng	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 02' 48"	105° 43' 01"					F-48-20-C
núi Ngâm Rao	SV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 09"	105° 39' 47"					F-48-20-C
xóm Pác Riệu	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 58' 14"	105° 40' 04"					F-48-32-A
khởi Pậu	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			22° 58' 43"	105° 41' 19"	22° 56' 46"	105° 41' 19"	F-48-32-A
xóm Phiêng Sinh	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	22° 57' 51"	105° 40' 06"					F-48-32-A
suối Tà Mù	TV	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc			23° 03' 33"	105° 41' 40"	22° 58' 06"	105° 39' 52"	F-48-32-B+20-D
xóm Tà Mù	DC	xã Thượng Hà	H. Bảo Lạc	23° 01' 07"	105° 40' 33"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lũng Áng Lông	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 26"	105° 51' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chuông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 02"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Thán	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Bào Tỳ	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 49' 01"					F-48-32-B+20-D
núi Bó Héc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 40"	105° 49' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Cao Bắc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 05"	105° 49' 44"					F-48-32-B+20-D
núi Cô Péc	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 06"	105° 49' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Khách	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 10"	105° 49' 34"					F-48-32-B+20-D
suối Cốc Tả	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc		22° 53' 44"	105° 48' 48"	22° 54' 12"	105° 48' 27"		F-48-32-B+20-D
núi Đin Đeng	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 41"	105° 49' 14"					F-48-32-B+20-D
đồn Đồng Mu	KX	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							F-48-32-B+20-D
Khuổi Van	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 24"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
núi Lám Cóm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 57"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Lầm Cùm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 01"	105° 50' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mật	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 44"	105° 51' 28"					F-48-32-B+20-D
Lũng Nội	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 55"	105° 48' 51"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Pèo	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 36"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pù	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 49"	105° 49' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rạc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 00"	105° 48' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Mù Chàng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 30"	105° 50' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chộc	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 14"	105° 47' 37"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Đổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 36"	105° 48' 08"					F-48-32-B+20-D
Nậm Giắt	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 48"	105° 49' 58"					F-48-32-B+20-D
Pác Nạp	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 55' 49"	105° 49' 19"					F-48-32-B+20-D
lũng Phát	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 55"	105° 51' 03"					F-48-32-B+20-D
Phia Khao	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 37"	105° 51' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Phía Phong	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 08"	105° 47' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Phía Phong	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 53' 23"	105° 47' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 10"	105° 50' 35"					F-48-32-B+20-D
xóm Phìn Sáng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 29"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
suối Piêng Pán	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 00"	105° 50' 40"	22° 53' 23"	105° 51' 12"	F-48-32-B+20-D
núi Pờ Cà Tản	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 30"	105° 48' 20"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lũng Quang	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 18"	105° 50' 44"					F-48-32-B+20-D
	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 25"	105° 50' 16"					F-48-32-B+20-D
suối Tả Nội	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 53' 27"	105° 49' 08"	22° 53' 44"	105° 48' 48"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Sáy	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc							
Tát Luông	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 52' 22"	105° 49' 29"					F-48-32-B+20-D
lũng Tày Đùm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 58' 28"	105° 50' 04"					F-48-32-B+20-D
	TV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc			22° 55' 44"	105° 50' 20"	22° 55' 18"	105° 49' 31"	F-48-32-B+20-D
xóm Thắm Tôm	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 13"	105° 49' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Thiêng Lầu	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 57"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Thua Tổng	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 54' 21"	105° 48' 06"					F-48-32-B+20-D
lũng Trảm	SV	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 56' 56"	105° 47' 47"					F-48-32-B+20-D
	DC	xã Xuân Trường	H. Bảo Lạc	22° 57' 12"	105° 51' 32"					F-48-32-B+20-D
Xi Ma										
quốc lộ 34	KX	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 53' 30"	105° 31' 45"	22° 46' 07"	105° 26' 43"	F-48-31-B, F-48-32-A
xóm Bàn Đe	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 27' 41"					F-48-31-B
núi Chè Léch	SV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 47' 51"	105° 29' 31"					F-48-31-B
xóm Chè Pén	DC	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 48' 36"	105° 28' 20"					F-48-31-B
núi Đán Chương	SV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 28' 46"					F-48-31-B
sông Gâm	TV	TT. Pác Miầu	H. Bảo Lâm			22° 50' 49"	105° 29' 25"	22° 46' 14"	105° 26' 49"	F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm khu 1	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 49' 10"	105° 29' 45"					F-48-31-B
xóm khu 2	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 50' 00"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm khu 3	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 50' 09"	105° 29' 39"					F-48-31-B
xóm khu 4	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 50' 24"	105° 29' 29"					F-48-31-B
xóm Lạng Cá	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 47' 37"	105° 27' 22"					F-48-31-B
xóm Mây Rại	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 47' 20"	105° 29' 15"					F-48-31-B
suối Mẹ Hân	TV	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm			22° 51' 47"	105° 31' 18"	22° 51' 59"	105° 30' 09"	F-48-32-A
xóm Nà Bồn	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	24° 48' 20"	105° 28' 13"					F-48-31-B
xóm Nà Ca	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 52' 31"	105° 31' 54"					F-48-32-A
suối Nậm Púng	TV	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
suối Pác Miêu	TV	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm			22° 49' 08"	105° 30' 10"	22° 50' 01"	105° 29' 20"	F-48-31-B
xóm Phiêng Phay	DC	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 47' 45"	105° 28' 29"					F-48-31-B
núi Phiêng Phay	SV	TT. Pác Miêu	H. Bảo Lâm	22° 47' 01"	105° 27' 15"					F-48-31-B
xóm Cà Đồng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 00"	105° 30' 38"					F-48-20-C
xóm Cà Lung	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 23"	105° 32' 02"					F-48-20-C
xóm Cà Mềng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm							
xóm Cà Pén A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 01"	105° 32' 18"					F-48-20-C
xóm Cà Pén B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 26"	105° 31' 39"					F-48-20-C
xóm Chè Lý A	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 18"	105° 32' 18"					F-48-20-C
xóm Chè Lý B	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 34"	105° 32' 30"					F-48-20-C
núi Cốc Càng	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 08"	105° 33' 24"					F-48-20-C
suối Cốc Pàng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 55"	105° 33' 20"	23° 03' 02"	105° 32' 11"	F-48-20-C
xóm Cốc Phụng	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 21"	105° 31' 59"					F-48-20-C
suối Cốc Phụng	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 14"	105° 30' 55"	23° 03' 21"	105° 30' 24"	F-48-20-C
xóm Dinh Phả	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 52"	105° 31' 26"					F-48-20-C
xóm Đội Lý	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 28"	105° 34' 22"					F-48-20-C
lũng Già Phình	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 02"	105° 32' 44"					F-48-20-C
núi Há Tư	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 28"	105° 33' 32"					F-48-20-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hát Han	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Sang	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 09"	105° 31' 00"					F-48-20-C
xóm Khuổi Vác	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 14"	105° 34' 12"					F-48-20-C
dãy núi Long Diên	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 22"	105° 32' 58"					F-48-20-C
xóm Lũng Mần	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 05' 45"	105° 32' 14"					F-48-20-C
núi Lũng Mần	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 06' 00"	105° 32' 44"					F-48-20-C
Lũng Pịa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 45"	105° 33' 23"					F-48-20-C
núi Lũng Pịa	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 24"	105° 33' 34"					F-48-20-C
xóm Nà Sa	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 02' 58"	105° 33' 15"					F-48-20-C
xóm Nà Hu	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 03' 15"	105° 31' 14"					F-48-20-C
Nà Sích	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 01' 39"	105° 33' 08"					F-48-20-C
xóm Nà Và	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 40"	105° 32' 44"					F-48-32-A
xóm Ngâm Trại	DC	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 00' 29"	105° 33' 40"					F-48-20-C
núi Ngâm Trại	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	22° 59' 29"	105° 31' 55"					F-48-32-A
suối Ngâm Trại	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 00' 08"	105° 33' 03"	22° 58' 41"	105° 32' 55"	F-48-32-A
sông Nho Quế	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 06' 44"	105° 31' 47"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-20-C, F-48-19-D
lũng Tru	SV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm	23° 04' 48"	105° 33' 31"					F-48-20-C
suối Vác	TV	xã Đức Hạnh	H. Bảo Lâm			23° 02' 34"	105° 32' 49"	23° 02' 55"	105° 33' 20"	F-48-20-C
quốc lộ 34	KX	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 08"	105° 33' 52"	22° 53' 30"	105° 31' 45"	F-48-32-A
xóm Bản Báng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 30' 56"					F-48-32-A
suối Bản Báng	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 09"	105° 29' 25"	22° 54' 05"	105° 31' 43"	F-48-32-A
sông Gám	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 33' 58"	22° 56' 41"	105° 32' 49"	F-48-32-A
xóm Khuổi Bon	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 33"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Khuổi Mần	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 05"	105° 27' 34"					F-48-31-B
suối Khuổi Mần	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 16"	105° 30' 09"	22° 57' 57"	105° 31' 55"	F-48-32-A
xóm Khuổi Vin	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 08"	105° 30' 07"					F-48-31-B
núi Mu Lây	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 06"	105° 30' 33"					F-48-32-A
xóm Nà Kháng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 05"	105° 32' 18"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Mạt	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 34"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Nà Mầu	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 54"	105° 28' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Mỹ	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 42"	105° 26' 52"					F-48-31-B
sông Nà Ngàn	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 57' 12"	105° 27' 14"	22° 58' 29"	105° 29' 45"	F-48-31-B
xóm Nà Pồng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 20"	105° 32' 46"					F-48-32-A
xóm Nà Tòng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 49"	105° 28' 28"					F-48-31-B
sông Nho Quế	TV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm			22° 56' 42"	105° 32' 49"	23° 00' 36"	105° 29' 08"	F-48-19-D+32-A
Pác Kín	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 55' 26"	105° 31' 53"					F-48-32-A
xóm Pác Pét	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 56' 13"	105° 29' 44"					F-48-31-B
xóm Pác Pha	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 54' 28"	10° 53' 29"					F-48-32-A
xóm Pác Rà	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 34"	105° 29' 59"					F-48-31-B
xóm Pác Ruộc	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 29' 28"					F-48-31-B
xóm Phiêng Đăm	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 26"	105° 28' 50"					F-48-31-B
xóm Phiêng Lùng	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 57' 05"	105° 28' 55"					F-48-31-B
xóm Phiêng Pên	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 59' 50"	105° 27' 29"					F-48-31-B
núi Phiêng Tằng	SV	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	23° 00' 30"	105° 27' 39"					F-48-19-D
xóm Tông Ac	DC	xã Lý Bôn	H. Bảo Lâm	22° 58' 27"	105° 30' 58"					F-48-32-A
xóm Bản Mỏ	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 30' 18"					F-48-32-A
xóm Đon Sài	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau La A	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lạ B	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Lệnh	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Pò (Khau Piò)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Trù	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 41"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Lũng Pào (Lũng Piào)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Lũng Vài	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 30' 58"					F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Bon	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Làng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 27"	105° 32' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Mầu (Nà Mầu)	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 50' 06"	105° 32' 19"					F-48-32-A
xóm Nà Pết	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Pông	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 45"	105° 32' 21"					F-48-32-A
xóm Nậm Ngoai	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 49' 32"	105° 31' 28"					F-48-32-A
suối Nậm Ngoai	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm		22° 51' 06"	105° 31' 56"	22° 49' 37"	105° 31' 33"		F-48-32-A
suối Pác Miêu	TV	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm		22° 47' 40"	105° 32' 08"	22° 49' 08"	105° 30' 10"		F-48-32-A
xóm Phía Mẩn	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 47' 22"	105° 29' 58"					F-48-31-B
xóm Phía Phi	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 50"	105° 31' 03"					F-48-32-A
xóm Phiêng Mêng	DC	xã Mông Ân	H. Bảo Lâm	22° 46' 34"	105° 33' 31"					F-48-32-A
xóm Bản Bung	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 29"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Ban Cao	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 50"	105° 23' 39"					F-48-31-B
núi Cốc Páp	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 53' 36"	105° 24' 34"					F-48-31-B
suối Cốc Páp	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 19"	105° 23' 46"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Khuổi Cắm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 55' 36"	105° 26' 31"					F-48-31-B
xóm Khuổi Pát (Khuổi Piat)	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 54"	105° 25' 16"					F-48-31-B
xóm Nà Mon	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 35"	105° 22' 47"					F-48-31-B
xóm Nà Nhưởm	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 44"	105° 21' 39"					F-48-31-B
Nà Rò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 48"	105° 23' 32"					F-48-31-B
Nà Sầu	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 51"	105° 25' 50"					F-48-31-B
suối Nậm Đang	TV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm			22° 57' 15"	105° 25' 28"	22° 58' 52"	105° 25' 24"	F-48-31-B
xóm Nậm Đang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 30"	105° 25' 35"					F-48-31-B
xóm Pác Kén	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 37"	105° 24' 33"					F-48-31-B
xóm Phía Cò	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 57' 20"	105° 21' 56"					F-48-31-B
núi Phía Cò	SV	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 01"	105° 22' 42"					F-48-31-B
xóm Phía Cọ	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 56' 10"	105° 24' 32"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phia Liêng	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 54' 40"	105° 24' 44"					F-48-31-B
Phiêng Hang	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 59' 09"	105° 23' 10"					F-48-31-B
Tần Linh	DC	xã Nam Cao	H. Bảo Lâm	22° 58' 14"	105° 22' 17"					F-48-31-B
xóm Đon Sài	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 47"	105° 25' 49"					F-48-31-B
sông Gâm	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 32"	105° 31' 43"	22° 50' 49"	105° 29' 25"	F-48-31-B
xóm Nà Dìm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 34"	105° 25' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Hếng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 33"	105° 30' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Rình	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 51"	105° 27' 31"					F-48-31-B
xóm Nà Viêng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 07"	105° 28' 13"					F-48-31-B
suối Nam Quang	TV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm			22° 53' 16"	105° 28' 53"	22° 51' 34"	105° 29' 17"	F-48-31-B
mỏ vàng Nam Quang	KX	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
núi Nậm Ròm	SV	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 10"	105° 28' 10"					F-48-31-B
xóm Nậm Ròm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
xóm Pác Ròm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 43"	105° 29' 23"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phăng	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 27' 14"					F-48-31-B
xóm Thẩm Siêm	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 25' 41"					F-48-31-B
xóm Tông Phườn	DC	xã Nam Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 26' 39"					F-48-31-B
xóm Bản Nà	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 07"	105° 26' 19"					F-48-31-B
xóm Cốc Lùng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 27"	105° 20' 47"					F-48-31-B
suối Cốc Pục	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 02"	105° 28' 07"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
sông Gâm	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 46' 10"	105° 26' 42"	22° 49' 18"	105° 28' 45"	F-48-31-B
núi Mã Lùng	SV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 30"	105° 17' 12"					F-48-31-B
xóm Nà Đon	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 26"	105° 27' 50"					F-48-31-B
xóm Nà Kiêng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 57"	105° 23' 34"					F-48-31-B
xóm Nà Luông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 46' 43"	105° 26' 01"					F-48-31-B
xóm Nậm Miông	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 07"	105° 28' 06"					F-48-31-B
xóm Phiêng Mường	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 47' 16"	105° 27' 13"					F-48-31-B
xóm Phiêng Phát	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 36"	105° 21' 43"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Chảo	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 18"	105° 23' 06"					F-48-31-B
suối Tổng Ngỗng	TV	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm			22° 50' 42"	105° 21' 22"	22° 48' 37"	105° 25' 52"	F-48-31-B
xóm Tổng Ngỗng	DC	xã Quảng Lâm	H. Bảo Lâm	22° 48' 17"	105° 24' 58"					F-48-31-B
dãy núi Đan Linh	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 51' 05"	105° 26' 03"					F-48-31-B
xóm Khùng Khoang	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 18"	105° 27' 34"					F-48-31-B
núi Khùng Khoang	SV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 54' 37"	105° 27' 36"					F-48-31-B
xóm Khuổi Hấu	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 45"	105° 26' 02"					F-48-31-B
xóm Khuổi Qua	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 21"	105° 27' 08"					F-48-31-B
suối Khuổi Qua	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 50' 54"	105° 26' 21"	22° 51' 08"	105° 28' 08"	F-48-31-B
xóm Lũng Chang	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 53' 39"	105° 29' 25"					F-48-31-B
xóm Nà Đẳng	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 50' 59"	105° 28' 04"					F-48-31-B
xóm Nà Pù	DC	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm	22° 52' 24"	105° 27' 02"					F-48-31-B
suối Nậm Quang	TV	xã Tân Việt	H. Bảo Lâm			22° 51' 08"	105° 28' 08"	22° 50' 50"	105° 29' 24"	F-48-31-B
xóm Ban Luáy	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 11"	105° 23' 52"					F-48-31-B
xóm Cốc Páp	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 04"	105° 23' 47"					F-48-31-B
xóm Khau Ca	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 50' 25"	105° 25' 22"					F-48-31-B
xóm Khau Noong	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 54' 17"	105° 18' 25"					F-48-31-B
xóm Khau Ràng	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 59"	105° 25' 15"					F-48-31-B
xóm Lũng Rĩa	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 21' 06"					F-48-31-B
xóm Nà Hòm	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 20"	105° 22' 27"					F-48-31-B
xóm Nà Ó	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 53"	105° 25' 56"					F-48-31-B
xóm Nà Thẩn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 25' 20"					F-48-31-B
xóm Nậm Pục	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 11"	105° 19' 50"					F-48-31-B
xóm Nậm Tàu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 53"	105° 20' 17"					F-48-31-B
xóm Phiêng Rơong	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 52' 00"	105° 24' 10"					F-48-31-B
xóm Sác Ngà	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 53' 28"	105° 20' 55"					F-48-31-B
suối Thạch Lâm	TV	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm							F-48-31-B
xóm Thăm Nu	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 55' 54"	105° 20' 56"					F-48-31-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Dùn	DC	xã Thạch Lâm	H. Bảo Lâm	22° 51' 40"	105° 23' 10"					F-48-31-B
xóm Bàn Bó	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 40"	105° 30' 03"					F-48-32-C
suối Bàn Bó	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 43' 57"	105° 30' 34"	22° 44' 39"	105° 30' 05"	F-48-32-C
xóm Bàn Ràn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 44' 57"	105° 30' 04"					F-48-32-C
xóm Cốc Cạch	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 28' 14"					F-48-31-B
núi Cốc Cạch	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 26"	105° 31' 56"					F-48-32-A
xóm Cốc Vạn	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khau Ít	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 02"	105° 30' 21"					F-48-32-A
xóm Khau Ninh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 36"	105° 29' 32"					F-48-31-B
xóm Khuổi Ngẫu	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Ngọa	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Nà Cút	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 32' 19"					F-48-32-C
xóm Nà Piầy	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 18"	105° 31' 48"			22° 43' 55"	105° 31' 22"	F-48-32-C
xóm Nà Sài	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 45' 26"	105° 31' 18"					F-48-32-A
suối Pác Nhung	TV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm			22° 45' 23"	105° 31' 48"	22° 44' 53"	105° 30' 00"	F-48-32-A
núi Phia Hiêng	SV	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 43' 50"	105° 30' 23"					F-48-32-C
xóm Sam Quanh	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm							
xóm Vàng Vạt	DC	xã Thái Học	H. Bảo Lâm	22° 46' 01"	105° 27' 24"					F-48-31-B
xóm Bàn Là	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 29"	105° 35' 58"					F-48-32-A
xóm Bàn Lìn	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 48"	105° 37' 26"					F-48-32-A
xóm Khau Dề	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 45' 41"	105° 35' 13"					F-48-32-C
xóm Khuổi Dừa	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 39"	105° 34' 34"					F-48-32-C
xóm Khuổi Đuốc	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
suối Lũng Chang	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 07"	105° 32' 16"	22° 43' 29"	105° 32' 48"	F-48-32-C
xóm Lũng Trang	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 36"	105° 34' 26"					F-48-32-C
xóm Lũng Vải	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 13"	105° 33' 00"					F-48-32-C
xóm Nà Bó	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 43' 44"	105° 32' 17"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Bó	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 43' 01"	105° 34' 04"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
xóm Nà Lồm	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 04"	105° 33' 13"					F-48-32-C
xóm Nà Nàng	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 44' 37"	105° 32' 25"					F-48-32-C
suối Nà Pát	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 00"	105° 32' 38"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
suối Nậm Pây	TV	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm			22° 44' 54"	105° 34' 05"	22° 44' 45"	105° 32' 20"	F-48-32-C
xóm Nậm Trà	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm							
xóm Sáng Soáy	DC	xã Thái Sơn	H. Bảo Lâm	22° 46' 17"	105° 36' 57"					F-48-32-A
xóm Bản Chang	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
xóm Bản Phườn	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 41"	105° 34' 40"					F-48-32-A
Cốc Sĩ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 25"	105° 33' 55"					F-48-32-A
xóm Ẽn Cồ	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 58"	105° 35' 28"					F-48-32-A
xóm Ẽn Ngoại	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 46"	105° 35' 52"					F-48-32-A
xóm Ẽn Nội	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 34"	105° 36' 05"					F-48-32-A
xóm Lũng Háng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
núi Lũng Háng	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 49' 31"	105° 34' 41"					F-48-32-A
núi Luộc Chùn	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 05"	105° 32' 24"					F-48-32-A
xóm Nà Hù	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 03"	105° 34' 40"					F-48-32-A
xóm Nậm Luống	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 47' 32"	105° 35' 44"					F-48-32-A
xóm Nậm Tăn	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 50' 50"	105° 34' 32"					F-48-32-A
núi Ngâm Vuộc	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 00"	105° 32' 43"					F-48-32-A
xóm Phía Nà	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 53' 08"	105° 33' 07"					F-48-32-A
núi Phía Nà	SV	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 48' 35"	105° 35' 21"					F-48-32-A
xóm Phía Tráng	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 51' 52"	105° 33' 24"					F-48-32-A
xóm Phiêng Diềm	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 11"	105° 33' 53"					F-48-32-A
xóm Phiêng Phỏi	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm							F-48-32-A
xóm Phiêng Vai	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 46' 35"	105° 35' 03"					F-48-32-A
xóm Thòm Sọc	DC	xã Vĩnh Phong	H. Bảo Lâm	22° 52' 49"	105° 33' 25"					F-48-32-A
quốc lộ 34	KX	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 56' 11"	105° 35' 03"	22° 56' 08"	105° 33' 52"	F-48-32-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ấc Ế	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 23"	105° 33' 26"					F-48-32-A
xóm Bàn Cại	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 34' 49"					F-48-32-A
xóm Bàn Miêu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 35' 49"					F-48-32-A
suối Cai Kim	TV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm			22° 50' 56"	105° 36' 01"	22° 54' 36"	105° 34' 46"	F-48-32-A
xóm Cốc Tém	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Đông Kén	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 52"	105° 36' 17"					F-48-32-A
xóm Khau Cườm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 33"	105° 34' 23"					F-48-32-A
xóm Khau Sáng	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
núi Khuổi Ấu	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 27"	105° 37' 37"					F-48-32-A
xóm Khuổi Nảy	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 44"	105° 35' 59"					F-48-32-A
xóm Khuổi Rò	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 35"	105° 35' 22"					F-48-32-A
xóm Nà Hiên	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 12"	105° 37' 27"					F-48-32-A
xóm Nà Lầu	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 07"	105° 37' 16"					F-48-32-A
xóm Nà Luông	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 02"	105° 33' 52"					F-48-32-A
xóm Nà Ngà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 03"	105° 35' 25"					F-48-32-A
xóm Nà Pháo	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 54"	105° 34' 53"					F-48-32-A
xóm Nà Piao	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 52' 28"	105° 36' 15"					F-48-32-A
xóm Nà Tôm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 34"	105° 34' 26"					F-48-32-A
xóm Nậm Lạn	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 03"	105° 36' 51"					F-48-32-A
xóm Nậm Uôm	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm							
xóm Pác Đoa	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 06"	105° 34' 37"					F-48-32-A
núi Phạc Tà	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 53' 46"	105° 34' 52"					F-48-32-A
núi Phia Pục	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 02"	105° 36' 37"					F-48-32-A
xóm Phiêng Rù	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 51' 20"	105° 35' 50"					F-48-32-A
núi Tát Ma	SV	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 54' 36"	105° 36' 00"					F-48-32-A
xóm Thiêng Nà	DC	xã Vĩnh Quang	H. Bảo Lâm	22° 55' 53"	105° 34' 41"					F-48-32-A
xóm Bàn Búng	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 38' 46"	105° 31' 15"					F-48-32-C
xóm Bàn Chang 1	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 02"	105° 31' 12"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Chang 2	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 52"	105° 31' 47"					F-48-32-C
xóm Bản Đuốc	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 43' 52"	105° 29' 13"					F-48-31-D
suối Bản Lòong	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 38' 51"	105° 31' 09"	22° 38' 28"	105° 29' 37"	F-48-32-C
xóm Bản Ngõe	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 42' 26"	105° 31' 00"					F-48-32-C
xóm Bản Pan	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 44' 27"	105° 29' 05"					F-48-31-D
suối Bản Pan	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm							
xóm Bản Vàng	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 42"	105° 30' 54"					F-48-32-C
suối Bản Vàng	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 40' 42"	105° 30' 48"	22° 40' 56"	105° 29' 25"	F-48-31-D+32-C
Bó Mọc	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 42' 09"	105° 30' 39"					F-48-32-C
núi Cây Tò	SV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 04"	105° 30' 38"					F-48-32-C
Đông Lùng	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 31' 09"					F-48-32-C
Khân Lân	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 51"	105° 32' 49"					F-48-32-C
xóm Khau Han	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 38"	105° 30' 36"					F-48-32-C
xóm Khau Tao	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 27"	105° 32' 13"					F-48-32-C
núi Khau Tao	SV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 09"	105° 32' 08"					F-48-32-C
núi Khau Thùm	SV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 42' 01"	105° 31' 22"					F-48-32-C
xóm Khuổi Chuồng	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 39' 38"	105° 31' 35"					F-48-32-C
suối Khuổi Chuồng	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 39' 35"	105° 31' 20"	22° 38' 44"	105° 29' 30"	F-48-32-C
xóm Khuổi Ngầu	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm							
xóm Khuổi Sáp	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 39' 59"	105° 30' 18"					F-48-32-C
Khuổi Tân	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 39' 20"	105° 31' 37"					F-48-32-C
xóm Lũng Cuối	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 14"	105° 30' 07"					F-48-32-C
xóm Lũng Liềm	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 41' 33"	105° 33' 16"					F-48-32-C
Nà Kem	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 47"	105° 30' 20"					F-48-32-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 28' 41"					F-48-31-D
núi Nà Lịu	SV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 44' 10"	105° 28' 42"					F-48-31-D
suối Nà Lùng	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 41' 22"	105° 32' 25"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
xóm Nà Sải	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 26"	105° 31' 47"					F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nà Sài	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 40' 20"	105° 31' 39"	22° 40' 42"	105° 30' 48"	F-48-32-C
xóm Nà Vải	DC	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 43' 18"	105° 29' 32"					F-48-31-D
suối Ngâm Vây	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 42' 13"	105° 32' 41"	22° 42' 40"	105° 33' 10"	F-48-32-C
suối Pom Kiều	TV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm			22° 41' 01"	105° 32' 14"	22° 40' 51"	105° 31' 25"	F-48-32-C
núi Sam Vẽ	SV	xã Yên Thố	H. Bảo Lâm	22° 40' 57"	105° 34' 36"					F-48-32-C
đường tỉnh 207	KX	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang			22° 41' 22"	106° 39' 01"	22° 41' 44"	106° 40' 56"	F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bó Rạc	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
bệnh viện Đa khoa	KX	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Đông Mu	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Đông Đeng	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Đông Hoan	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 12"	106° 40' 02"					F-48-34-C+D
xóm Đông Hù	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 53"	106° 39' 53"					F-48-34-C+D
phố Hạ Lang	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang							
xóm Huyền Du	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 35"	106° 40' 35"					F-48-34-C+D
xóm Kéo Sy	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Đồn	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 40' 22"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Duốc	SV	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 42' 39"	106° 39' 32"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ến	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 37"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Ngườm Khang	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 01"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Quân	DC	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 39' 52"					F-48-34-C+D
chùa Sùng Phúc	KX	T.T. Thanh Nhật	H. Hạ Lang	22° 41' 53"	106° 40' 22"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 41' 59"	106° 34' 03"	22° 41' 22"	106° 39' 01"	F-48-34-(C+D)
sông Bắc Vọng	TV	xã An Lạc	H. Hạ Lang			22° 43' 05"	106° 33' 59"	22° 42' 36"	106° 34' 39"	F-48-34-C+D
xóm Bản Chao	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 36' 09"					F-48-34-C+D
xóm Bản Răng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 38' 00"					F-48-34-C+D
xóm Cam Mạ Đeng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 12"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đèo Keng Ka	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 28"	106° 38' 32"					F-48-34- (C+D)
Khuai Ngoang xóm Khuổi Linh	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 33"	106° 35' 20"					F-48-34-C+D
	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
xóm Khuổi Mít Ngoang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 57"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
Khuổi Rù	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 06"	106° 35' 03"					F-48-34-C+D
núi Lung Dăng	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 24"	106° 34' 48"					F-48-34-C+D
Lũng Hoàng Thái	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 37"	106° 37' 24"					F-48-34-C+D
xóm Lung Quang	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang							
núi Lung Vải	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 53"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
Lũng Xúm	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 40"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
núi Nà Ba	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 48"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Nà Ray	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 34' 06"					F-48-34-C+D
xóm Nưa Xe	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 06"	106° 38' 12"					F-48-34-C+D
Pác Khuổi	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 34' 40"					F-48-34-C+D
Phia Deng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 43' 01"	106° 36' 24"					F-48-34-C+D
Phiêng Khản	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 43"					F-48-34-C+D
Phò Ma	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 41"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
núi Phò Nà	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 46"	106° 35' 19"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Áng	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 36"	106° 36' 40"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Phường - Lũng Sươn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 40' 57"	106° 39' 09"					F-48-34-C+D
xóm Tha Hoài Mười	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 42' 11"	106° 37' 02"					F-48-34-C+D
Tu Thịn	DC	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 29"	106° 37' 14"					F-48-34-C+D
núi Xa Xe	SV	xã An Lạc	H. Hạ Lang	22° 41' 32"	106° 34' 20"					F-48-34-C+D
núi An Ma	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 35"	106° 36' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khùa	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 26"	106° 37' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bản Luông	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 13"	106° 37' 45"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Nha	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 44"	106° 37' 01"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nhòn	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 34"	106° 35' 57"					F-48-34-C+D
xóm Bản Nưa	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 17"	106° 35' 59"					F-48-34-C+D
xóm Bản Rạc	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 24"	106° 35' 52"					F-48-34-C+D
xóm Bản Thun - Pác Khén	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 52"	106° 38' 10"					F-48-34-C+D
suối Keng Thum	TV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang			22° 34' 43"	106° 39' 42"	22° 36' 10"	106° 38' 04"	F-48-34-C+D
núi Lũng Khinh	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 37"	106° 37' 25"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thúng	DC	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 36' 18"					F-48-34-C+D
núi Pác Luông	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 50"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Phía Phẳng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	106° 37' 46"					F-48-34-C+D
núi Phía Phón	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 38' 30"	106° 35' 05"					F-48-34-C+D
núi Pò Phía Chân	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 36' 48"	106° 37' 07"					F-48-34-C+D
núi Pò Phía Páng	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 35' 57"	106° 37' 57"					F-48-34-C+D
núi Pò Phía Rao	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 08"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
núi Pò Tron Giáo	SV	xã Cô Ngán	H. Hạ Lang	22° 37' 19"	106° 38' 13"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang			22° 45' 30"	106° 42' 28"	22° 46' 35"	106° 44' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Len	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 10"	106° 42' 34"					F-48-34-A
xóm Bản Lũng	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 11"	106° 43' 10"					F-48-34-A
xóm Bản Miào	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Nha	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 11"	106° 42' 53"					F-48-34-A
xóm Bản Sáng	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang							
xóm Bản Thuộc	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 46"	106° 44' 25"					F-48-34-A
núi Bò Phie	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 47' 18"	106° 44' 11"					F-48-34-A
bản Búa	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 26"	106° 45' 29"					F-48-34-B
xóm Củng Mán	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 45' 45"					F-48-34-B
núi En Nưa	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 16"	106° 44' 32"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Năm	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 44' 59"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phục	DC	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 00"	106° 44' 53"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
núi Pài Lầu	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 27"	106° 43' 48"					F-48-34-A
núi Phia Chao	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 19"	106° 44' 42"					F-48-34-A
núi Phia Đeng	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 46' 22"	106° 43' 53"					F-48-34-A
núi Thầu Nưa	SV	xã Đồng Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 09"	106° 45' 28"					F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 42' 56"	106° 64' 18"	22° 43' 48"	106° 40' 15"	F-48-34-C+D
xóm Bàn Hèo	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 31"	106° 38' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bàn Nhắng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 39' 07"					F-48-34-A
xóm Bàn Sùng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 25"	106° 40' 14"					F-48-34-C+D
xóm Coong Hoài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 22"	106° 39' 31"					F-48-34-C+D
xóm Mẩn Phía	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 23"	106° 38' 52"					F-48-34-C+D
núi Nà Dẩn	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 38' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hát	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 25"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Nà Nằm	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang							
xóm Nà Pác	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 38"	106° 37' 45"					F-48-34-A
suối Nà Pác	TV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang			22° 46' 46"	106° 38' 40"	22° 45' 27"	106° 39' 13"	F-48-34-A
xóm Nà Pài	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 04"	106° 36' 59"					F-48-34-A
Nà Theng	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 45' 12"	106° 37' 30"					F-48-34-A
Phiêng Phia	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 39' 22"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mu	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 54"	106° 38' 14"					F-48-34-C+D
xóm Pò Sao	DC	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 44' 55"	106° 37' 54"					F-48-34-C+D
núi Sam Kha	SV	xã Đức Quang	H. Hạ Lang	22° 46' 15"	106° 38' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Tao	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 10"	106° 36' 25"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 21"	106° 37' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đông Phén	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 20"	106° 35' 55"					F-48-34-C+D
xóm Gia Lường	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 19"	106° 35' 35"					F-48-34-C+D
núi Khau Xa	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 17"	106° 35' 16"					F-48-34-A
Khuổi Ai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 31"	106° 35' 36"					F-48-34-A
Khuổi Ấu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 45' 07"	106° 36' 48"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Chi	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 37' 19"					F-48-34-C+D
núi Lũng Giông	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 37' 31"					F-48-34-C+D
Lũng Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 49"	106° 34' 15"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Túng	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 43"	106° 35' 32"					F-48-34-C+D
Lước Vai	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 37"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
Nậm Kít	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 35' 01"					F-48-34-C+D
Nậm Thầu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 43"	106° 37' 15"					F-48-34-C+D
núi Phò Rụng	SV	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 47"	106° 36' 37"					F-48-34-C+D
xóm Phong Ái	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 44' 32"	106° 36' 52"					F-48-34-C+D
xóm Thịnh Âu	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Thông Mò	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
Thông Nhàn	DC	xã Kim Loan	H. Hạ Lang	22° 43' 13"	106° 33' 57"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 47' 08"	106° 46' 21"	22° 47' 31"	106° 46' 04"	F-48-34-B
đường tỉnh 207	KX	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 35"	106° 44' 47"	22° 49' 03"	106° 48' 14"	F-48-34-A, 34-B
núi Ba Đường	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 36"	106° 47' 02"					F-48-34-B
suối Bản Bang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang			22° 46' 25"	106° 45' 06"	22° 46' 48"	106° 45' 28"	F-48-34-B
xóm Bản Khoàng	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 15"	106° 48' 11"					F-48-34-B
xóm Bản Sao	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 28"	106° 47' 15"					F-48-34-B
xóm Bằng Ca	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 09"	106° 46' 24"					F-48-34-B
xóm Bang Dưới	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 45' 10"					F-48-34-B
xóm Bang Trên	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 28"	106° 45' 33"					F-48-34-B
Đông Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 56"	106° 48' 27"					F-48-34-B
núi Khau Dẫn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 02"	106° 48' 14"					F-48-34-B
xóm Khi Chảo	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 08"	106° 49' 15"					F-48-34-B
núi Khi Chảo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 40"	106° 49' 23"					F-48-34-B
xóm Khưa Khoang	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 26"	106° 46' 36"					F-48-34-B
hồ Khưa Khoang	TV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 46' 44"					F-48-34-B
xóm Lũng Pầu	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 33"	106° 49' 15"					F-48-34-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Phiồ	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 45' 54"					F-48-34-B
xóm Lũng Thoang Ké	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 31"	106° 47' 58"					F-48-34-B
xóm Lý Vạn	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 59"	106° 49' 07"					F-48-34-B
núi Mu Mùn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 31"	106° 48' 40"					F-48-34-B
núi Nậm Thầu	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 45' 20"	106° 46' 31"					F-48-34-B
xóm Nậm Tóc	DC	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 30"	106° 47' 57"					F-48-34-B
núi Ngườm Rằm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 45' 58"					F-48-34-B
núi Phía Nhàn	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 48' 18"	106° 47' 36"					F-48-34-B
núi Ram Kha	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 47' 46"	106° 47' 33"					F-48-34-B
núi Thênh Ngườm	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 43"	106° 45' 12"					F-48-34-B
núi Tu Giáo	SV	xã Lý Quốc	H. Hạ Lang	22° 46' 12"	106° 46' 51"					F-48-34-B
đường tỉnh 206	KX	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 31"	106° 46' 04"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A, 34-B
đập Ai Cảnh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-B
núi Ba Xe	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 27"	106° 45' 50"					F-48-34-B
xóm Bản Khuy	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang							F-48-34-A
xóm Bản Suối	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 22"	106° 43' 05"					F-48-34-A
xóm Bản Thang	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 23"	106° 44' 21"					F-48-34-A
suối Bản Thang	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 50' 02"	106° 44' 31"	22° 50' 23"	106° 44' 29"	F-48-34-A
núi Bó Nưa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 50' 31"	106° 43' 45"					F-48-34-A
xóm Đa Dưới	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 52"	106° 46' 22"					F-48-34-B
xóm Đa Trên	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 29"	106° 45' 49"					F-48-34-B
núi Đon Đa	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 26"	106° 47' 17"					F-48-34-B
núi Đông Đin	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 27"	106° 42' 24"					F-48-34-A
núi Lung Nậm	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 46' 55"	106° 45' 27"					F-48-34-B
xóm Luộc Khênh	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 58"	106° 43' 59"					F-48-34-A
suối Luộc Khênh	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 49' 56"	106° 44' 00"	22° 50' 02"	106° 44' 31"	F-48-34-A
xóm Luộc Khiếu	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 04"	106° 44' 47"					F-48-34-A
suối Luộc Khiếu	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 30"	106° 43' 15"	22° 48' 02"	106° 45' 21"	F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
núi Nà Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 49' 25"	106° 45' 34"					F-48-34-B
xóm Nà Quan	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 45"	106° 45' 42"					F-48-34-B
suối Nà Quan	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 02"	106° 45' 21"	22° 48' 37"	106° 45' 44"	F-48-34-B
xóm Nà Vĩ	DC	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 39"	106° 45' 19"					F-48-34-B
núi Pác Ma	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 35"	106° 45' 22"					F-48-34-B
núi Phai Cái	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 48' 12"	106° 46' 53"					F-48-34-B
núi Phai Cát	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 58"	106° 46' 22"					F-48-34-B
núi Phia Pan	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 51"	106° 45' 59"					F-48-34-B
núi Phia Ràng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 20"	106° 45' 09"					F-48-34-B
núi Pò Luộc Vải	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 53"	106° 43' 29"					F-48-34-A
núi Pò Luồng	SV	xã Minh Long	H. Hạ Lang	22° 47' 52"	106° 42' 46"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 48' 59"	106° 47' 22"	22° 51' 02"	106° 43' 49"	F-48-34-A
suối suối Nà Vĩ	TV	xã Minh Long	H. Hạ Lang			22° 47' 29"	106° 46' 02"	22° 47' 54"	106° 45' 23"	F-48-34-B
núi Nà Kiếng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 46"	106° 45' 21"					F-48-34-C+D
núi Ba Mê Nàng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 14"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Ba Nà Cai	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 22"	106° 46' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bàn Kiếng - Lũng Phắc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 04"	106° 45' 32"					F-48-34-C+D
xóm Bó Chia	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 41' 10"					F-48-34-C+D
xóm Bó Mực	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 58"	106° 41' 19"					F-48-34-C+D
xóm Cuốn Phảy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 27"	106° 43' 00"					F-48-34-C+D
Khau Khà	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 43' 21"					F-48-34-C+D
xóm Khéo Mèo	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 10"	106° 43' 24"					F-48-34-C+D
xóm Khi Rót	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 41"	106° 43' 50"					F-48-34-C+D
Ký Sộc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 06"	106° 44' 15"					F-48-34-C+D
Lũng Chủ	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 58"	106° 43' 33"					F-48-34-C+D
núi Lũng Đáy	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang							
núi Lũng Khốp	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 45"	106° 44' 35"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Lạc	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 43"	106° 44' 57"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Phắc	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 28"	106° 44' 53"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phầy	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 42' 57"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rót	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 13"	106° 44' 18"					F-48-34-C+D
núi Lũng Rỳ	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 12"	106° 44' 39"					F-48-34-C+D
núi Lũng Trù Khả	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 18"	106° 43' 22"					F-48-34-C+D
núi Lũng Tùng Tiếu	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 47"	106° 43' 34"					F-48-34-C+D
xóm Luông Dưới	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Luông Trên	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Năm Tát	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 39"	106° 42' 56"					F-48-34-C+D
xóm Sa Lê	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 40' 30"	106° 43' 15"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Riem	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 08"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
núi Sa Lũng Thàn	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 35"	106° 45' 59"					F-48-34-C+D
núi Sa Phai Riều	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 38"	106° 44' 17"					F-48-34-C+D
núi Thang Mộng	SV	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 43' 54"	106° 45' 11"					F-48-34-C+D
Thánh Khau	DC	xã Quang Long	H. Hạ Lang	22° 41' 20"	106° 45' 13"	22° 38' 13"	106° 42' 15"	22° 37' 05"	106° 42' 00"	F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							
xóm Cô Coong	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bàn Đầu	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bàn Lạn	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 34"	106° 39' 50"					F-48-34-C+D
suối Bàn Lạn	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang			22° 37' 27"	106° 39' 52"	22° 37' 27"	106° 41' 09"	F-48-34-C+D
núi Bó Chao	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 43"	106° 42' 21"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Khọt	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Kênh Nghiều	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 26"	106° 41' 49"					F-48-34-C+D
núi Lũng Các	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 39"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
núi Lũng Eng	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 04"	106° 43' 14"					F-48-34-C+D
núi Mác Phạt	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 20"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
xóm Nà Hoạch	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Nà Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ngườm Riềm	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 52"	106° 40' 40"					F-48-34-C+D
núi Pa Lũng Tố	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 38' 10"	10° 64' 35"					F-48-34-C+D
núi Pa Pò Nóc	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 12"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
xóm Pác Khao	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Pác Lung	DC	xã Thái Đức	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
núi Pò Lung Tái	SV	xã Thái Đức	H. Hạ Lang	22° 37' 51"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang							F-48-34-C+D
xóm Bản Bàng	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 58"	106° 40' 57"				106° 42' 28"	F-48-34-C+D
xóm Bản Dưa	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 11"	106° 41' 33"					F-48-34-C+D
xóm Bản Kha	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 30"	106° 40' 39"					F-48-34-A
xóm Bản Phan	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 13"	106° 42' 58"					F-48-34-C+D
xóm Cát Hào	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 53"	106° 40' 33"					F-48-34-C+D
núi Chông Mạ	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 08"	106° 42' 32"					F-48-34-A
xóm Co Lý	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 21"	106° 41' 28"					F-48-34-A
xóm Co Nghiu	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 32"	106° 40' 54"					F-48-34-A
Co Siêu	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 42"	106° 40' 38"					F-48-34-A
Kết	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 02"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Kon	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 52"	106° 41' 33"					F-48-34-A
Lũng Phúc	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 27"	106° 40' 51"					F-48-34-C+D
Luộc Thòm	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 46' 05"	106° 40' 34"					F-48-34-A
Nà Mu	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 33"	106° 41' 51"					F-48-34-A
xóm Nà Ngần	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 11"	106° 41' 48"					F-48-34-A
núi Nà Ngườm	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 36"	106° 41' 55"					F-48-34-C+D
Nà Sắp	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 45"	106° 42' 23"					F-48-34-C+D
núi Ngườm én	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 43' 46"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pác Sam	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 06"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
núi Pò Hai	SV	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 44"	106° 40' 01"					F-48-34-A
xóm Rặc Giang	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 47' 19"	106° 40' 52"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sầu Sam	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 44' 48"	106° 43' 25"					F-48-34-C+D
xóm Un Thôm	DC	xã Thăng Lợi	H. Hạ Lang	22° 45' 50"	106° 41' 15"					F-48-34-A
đường tỉnh 214	KX	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 37' 05"	106° 42' 00"	22° 35' 50"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bàn Nhàng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 18"	10° 64' 09"					F-48-34-C+D
cửa khẩu Bí Hà	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 21"	106° 42' 47"					F-48-34-C+D
suối Canh Thun	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 36"	106° 40' 26"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
Cốc Mẩn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 31"	106° 40' 45"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Nhan	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 16"	106° 41' 43"					F-48-34-C+D
núi Đồi Chè	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 24"	106° 42' 25"					F-48-34-C+D
núi Đồn Điền	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 01"	106° 42' 11"					F-48-34-C+D
xóm Đông Cầu	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 14"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Đông Mò	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 15"	106° 42' 17"					F-48-34-C+D
xóm Đông Nạng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 48"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
suối Khơ Lép	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 31"	106° 39' 03"	22° 35' 09"	106° 39' 41"	F-48-34-C+D
xóm Khu Đơ (Khu Đầu)	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 45"	106° 41' 07"					F-48-34-C+D
xóm Khu Nọc	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
xóm Ngườm Già	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Ngườm Tá	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
bản Nhay	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang							
núi Phía Kinh	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 38"	106° 39' 33"					F-48-34-C+D
núi Phía Mẩn	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 41' 44"					F-48-34-C+D
núi Phía Mão	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 46"	106° 39' 48"					F-48-34-C+D
núi Phía Moóc	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 30"	106° 40' 34"					F-48-34-C+D
núi Phía Riều	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 13"	106° 43' 01"					F-48-34-C+D
núi Phía Súng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 51"	106° 40' 00"					F-48-34-C+D
xóm Pò Mẩn	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 00"	106° 43' 17"					F-48-34-C+D
núi Pò Ngần	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 22"	106° 39' 12"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Tà Cáp	TV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang			22° 35' 03"	106° 41' 42"	22° 34' 47"	106° 41' 13"	F-48-34-C+D
xóm Tầu Đồng	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 37"	106° 42' 08"					F-48-34-C+D
xóm Thôm Cương	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 35' 14"	106° 40' 56"					F-48-34-C+D
núi Thông Dáng	SV	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 34' 55"	106° 40' 08"					F-48-34-C+D
xóm Tổng Nưa	DC	xã Thị Hoa	H. Hạ Lang	22° 36' 31"	106° 42' 34"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 214	KX	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 41' 25"	106° 40' 59"	22° 38' 13"	106° 42' 41"	F-48-34-C+D
xóm Bản Các	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 50"	106° 42' 43"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khau	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 04"	106° 42' 20"					F-48-34-C+D
xóm Bản Khoang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 18"	106° 43' 13"					F-48-34-C+D
xóm Bản Ngay	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 41' 26"					F-48-34-C+D
suối Cò Ma	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 38' 45"	106° 41' 39"	22° 38' 19"	106° 41' 03"	F-48-34-C+D
suối Lành	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 39' 36"	106° 41' 55"	22° 40' 24"	106° 41' 38"	F-48-34-C+D
đồi Lũng Lừa	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 33"	106° 42' 35"					F-48-34-C+D
Lũng Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 41' 27"					F-48-34-C+D
suối Luộc	TV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang			22° 40' 09"	106° 43' 00"	22° 39' 53"	106° 43' 46"	F-48-34-C+D
xóm Luộc Thôm Luộc Tháy	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 42"	106° 43' 42"					F-48-34-C+D
xóm Nà Dăng - Tỉnh	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 41' 00"	106° 41' 09"					F-48-34-C+D
xóm Nà Kéo	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 26"	106° 41' 57"					F-48-34-C+D
Nà Sao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 19"	106° 41' 11"					F-48-34-C+D
xóm Nà Thán	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 41' 58"					F-48-34-C+D
xóm Nà Tháy - Sa Tao	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 36"	106° 40' 48"					F-48-34-C+D
Nà Tinh	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 27"	106° 41' 02"					F-48-34-C+D
núi Pa Luông	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 28"	106° 43' 03"					F-48-34-C+D
xóm Pác Ty	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang							
xóm Phác Nhang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 39"	106° 42' 53"					F-48-34-C+D
núi Phò Sèn	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 42"	106° 40' 37"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pò Diêm	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 13"	106° 43' 02"					F-48-34-C+D
núi Pò Mao	SV	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 40' 48"	106° 42' 24"					F-48-34-C+D
Thâm Rím	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 39' 58"	106° 42' 45"					F-48-34-C+D
xóm Thông Thán - Bản Khoang	DC	xã Việt Chu	H. Hạ Lang	22° 38' 57"	106° 43' 06"					F-48-34-C+D
xóm Bản Lán	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
xóm Bản Mên	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 07"	106° 36' 19"					F-48-34-C+D
xóm Bản Sao	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 00"	106° 39' 08"					F-48-34-C+D
xóm Bản Thán	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 43"	106° 40' 04"					F-48-34-C+D
xóm Đổng Răng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 15"	106° 37' 48"					F-48-34-C+D
xóm Khau Lừa	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 14"	106° 38' 22"					F-48-34-C+D
xóm Khum Đin	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 01"	106° 38' 59"					F-48-34-C+D
núi Lũng Om	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 38"	106° 37' 26"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Phai	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 40' 59"	106° 35' 57"					F-48-34-C+D
xóm Nhi Liêu	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
xóm Pác Hoan	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 28"	106° 39' 05"					F-48-34-C+D
núi Pác Móc	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 37' 50"	106° 38' 21"					F-48-34-C+D
núi Phía Nà	SV	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 39' 17"	106° 40' 46"					F-48-34-C+D
xóm Quyến Bùng	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 38' 20"	106° 40' 29"					F-48-34-C+D
xóm Rung Rý	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang	22° 41' 03"	106° 37' 13"					F-48-34-C+D
xóm Sộc Nhương	DC	xã Vĩnh Quý	H. Hạ Lang							
đường tỉnh 203	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng			22° 52' 14"	106° 06' 23"	22° 55' 36"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Cải	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Bản Giàng 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Giới	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 54' 05"	106° 04' 31"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Noọc	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chủ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Gọ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 37"	106° 05' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Đôn Chương	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
ngã tư Đôn Chương	KX	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 14"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Tền	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 36"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
Lũng Rài	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 03' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Mai Nưa	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 28"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Mu Lự	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 57"	106° 04' 56"					F-48-33-A+21-C
xóm Mường Lẻ	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Chang	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 15"	106° 05' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngần	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 34"	106° 03' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Vạc 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Nà Vạc 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Sơn	SV	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	106° 05' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Tả Pàng	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 1	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng	22° 52' 48"	106° 04' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Yên Luật 2	DC	TT. Xuân Hòa	H. Hà Quảng							
xóm Cà Giáng	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Chông Mạ	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 56"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Có	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 20"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pán	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 57' 21"	106° 10' 37"					F-48-33-A+21-C
lũng Mẩn	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 05"	106° 11' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Năm Niệc	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 11' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Tả Piầu	DC	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 58' 30"	106° 11' 04"					F-48-33-A+21-C
lũng Tháy	SV	xã Cải Viên	H. Hà Quảng	22° 59' 03"	106° 10' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Bản Chang	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 10"	106° 04' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hà	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 02"	106° 05' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khoang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 25"	106° 05' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 32"	106° 05' 19"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Bản Nưa	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 42"	106° 05' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 51' 37"	106° 06' 03"					F-48-33-A+21-C
Đoòng Đeng	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 25"	106° 05' 39"					F-48-33-A+21-C
xóm Kè Hiệt	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 31"	106° 06' 18"					F-48-33-A+21-C
hồ Kè Hiệt	TV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 51"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Chang	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							
núi Kéo Gạch	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 52' 20"	106° 05' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Cút	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 52"	106° 06' 43"					F-48-33-A+21-C
DTLS Khuổi Sắn	KX	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mò	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 17"	106° 06' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Xá	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 49' 36"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Phía Đán	DC	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng							
núi Phía Đeng	SV	xã Đào Ngạn	H. Hà Quảng	22° 50' 21"	106° 06' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Chấm Ché	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Cốc Sa	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Kéo Nặm	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 49' 02"	106° 11' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
núi Lũng Sung	SV	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng	22° 48' 58"	106° 12' 07"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Răng Khoen	DC	xã Hạ Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Làng Linh	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Đa	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 31"	106° 10' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Dán	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Lặc	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 54' 00"	106° 10' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ngần	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 52' 13"	106° 08' 41"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 35"	106° 10' 02"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tà	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 37"	106° 11' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Táng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 07"	106° 10' 11"					F-48-33-A+21-C
núi Pò Đeng	SV	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 08' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Sam Phủng	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 11' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Sông Giang	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 08' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Tông Tại	DC	xã Hồng Sỹ	H. Hà Quảng							
đường tỉnh 210	KX	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng			22° 55' 19"	106° 03' 30"	22° 56' 52"	106° 05' 19"	F-48-33-A+21-C
xóm Cây Tắc	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Li Là	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 31"	106° 03' 32"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Khuyển	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 55"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Luông	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 03' 59"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Nhè	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 22"	106° 04' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Sáng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 05"	106° 03' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tú - Bó Sóp	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Luông	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 55"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Ràng	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 34"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Ngườm Rổng	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Pá Rản	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Pài Thước	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 38"	106° 05' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Phía Đó - Lũng Vải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 55' 50"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Ràng Púm - Cà Lọ	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 57' 36"	106° 04' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Ràng Rụng - Co Lý	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 45"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sỷ Ngải	DC	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 03' 24"					F-48-33-A+21-C
núi Thiêng Hoài	SV	xã Kéo Yên	H. Hà Quảng	22° 59' 40"	106° 04' 38"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng			22° 56' 52"	106° 05' 19"	22° 55' 50"	106° 06' 43"	
xóm Cả Giồng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 57"	106° 05' 31"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cả Mã	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 38"	106° 05' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Tiếng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 46"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Chợ Nặm Nhũng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Khoa	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 09"	106° 06' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Đông Páo	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 05' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Hai	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 06"	106° 06' 07"					F-48-33-A+21-C
xóm Kéo Quên	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 06' 57"					F-48-33-A+21-C
Kha Bản	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 52"	106° 06' 20"					F-48-33-A+21-C
núi Làng Rùn	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 06"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
đồi Lũng Chung	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 34"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
Lũng Cọ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng In	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 26"	106° 06' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mảng	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 08"	106° 07' 25"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Rạch	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 53"	106° 04' 55"					F-48-33-A+21-C
Đồn biên phòng Nặm Nhũng	KX	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 05' 34"					F-48-33-A+21-C
núi Phác Sĩ	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 42"	106° 06' 36"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Po Tán	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 33"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Thăm Ma	SV	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 56' 59"	106° 06' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Hoài	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 59' 10"	106° 05' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Thín Tằng	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 58' 08"	106° 05' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Thông Sác	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 57' 10"	106° 05' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Pồ	DC	xã Lũng Nặm	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 06' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Poóc	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 12' 00"					F-48-33-A+21-C
núi Hang Giáo	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 09"	106° 11' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Cả	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 20"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Boong	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 21"	106° 12' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Pính	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 15"	106° 11' 42"					F-48-33-A+21-C
núi Loọc Sòng	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 53"	106° 11' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Kiêng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
núi Lũng Luông	SV	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Niêng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 50' 27"	106° 12' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pheo	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 31"	106° 12' 25"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Rản	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 52' 17"	106° 12' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Mạ Ràng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Thín Tăng	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng							
xóm Tổng Đá	DC	xã Mã Ba	H. Hà Quảng	22° 51' 30"	106° 11' 44"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 50' 00"	106° 00' 58"	22° 55' 15"	106° 02' 39"	F-48-33-A+21-C; 32-B+20-D
núi Bà Tài	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	106° 02' 10"					F-48-33-A+21-C
lũng Cát	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 47"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
núi Cốc Chủ	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 01' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Sâu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 01"	106° 01' 03"					F-48-33-A+21-C
núi Đông Liêu	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 02' 27"					F-48-33-A+21-C
DTLS Hang Phia Nọi	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 1	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 02' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Hòa Mục 2	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							
núi Khiếu Tiên	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 47"	106° 01' 57"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Miêu	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 21"	106° 02' 13"	22° 54' 56"	106° 02' 41"	F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Rinh	TV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Là Mã	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 01' 32"					F-48-33-A+21-C
DTLS Lũng Cát	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
dãy núi Lũng Dù	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 01"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Loỏng	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	106° 01' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Mò	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pía	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							
núi Lũng Sường	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 35"	106° 00' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Mã Líp	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 04"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C
núi Mạy Đăm	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 54' 28"	106° 01' 55"					F-48-33-A+21-C
DTLS Nền nhà ông Hiền Hữu	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
DTLS Ngâm Giảo	KX	xã Nà Sác	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
Ngâm Xình	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 02"	106° 01' 16"					F-48-33-A+21-C
Ngườm Nặm	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	106° 00' 38"					F-48-33-A+21-C
Nong Di	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 57' 20"	106° 00' 06"					F-48-33-A+21-C
Pác Kéo	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 38"	106° 01' 25"					F-48-33-A+21-C
Pác Rũa	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 41"	106° 01' 33"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Oai	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 41"	106° 00' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Vén	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Nghiêu - Kép Ké	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 55' 06"	106° 02' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôm Tầu	DC	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Thua Háo	SV	xã Nà Sác	H. Hà Quảng	22° 56' 54"	106° 00' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Rẻ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 39"	106° 11' 48"					F-48-33-A+21-C
núi Cà Tênh	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 10' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Cà Tiếng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 10' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Khuổi Phia	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 21"	106° 12' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Làng Lý	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 19"	106° 12' 27"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Chuông	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 28"	106° 09' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Chuổng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 53"	106° 09' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mào	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 57"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Pụng	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	106° 08' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rại	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 55"	106° 11' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rì	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 23"	106° 10' 16"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Xuân	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 41"	106° 13' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Vài	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 40"	106° 12' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhi Tảo	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 28"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Hoan	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 34"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tụ	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 12' 41"					F-48-33-A+21-C
lũng Pét	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 58' 05"	106° 12' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Bóc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 15"	106° 11' 53"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Bưng	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 58"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Rừu	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 12' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Théc	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 19"	106° 10' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Ung	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 48"	106° 09' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Rủ Rả	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 03"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Sộc Rầu	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 39"	106° 11' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Tiếng Po	DC	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 57' 14"	106° 07' 31"					F-48-33-A+21-C
núi Tu Thù	SV	xã Nội Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 07"	106° 11' 09"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng			22° 48' 47"	106° 06' 48"	22° 52' 14"	106° 06' 23"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Bó	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 03"	106° 08' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chá	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 04"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Chủ	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 16"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Độc Kít	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 25"	106° 07' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Mân	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 07' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Mát	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 05"	106° 07' 10"					F-48-33-A+21-C
núi Khau Rục	SV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 52' 07"	106° 06' 54"					
xóm Lũng Giàng	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Luống Nội	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 49' 30"	106° 07' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dầm	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 48"	106° 06' 39"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Giàng	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Giảo	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 41"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lạn	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Nà Mạ	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 51' 40"	106° 06' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rặc	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng							
xóm Noóc Mò	DC	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
suối Phù Ngọc	TV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng			22° 52' 03"	106° 06' 32"	22° 50' 09"	106° 08' 07"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Tềng Khoen	SV	xã Phù Ngọc	H. Hà Quảng	22° 50' 33"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Bắc Phương	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 1	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Bản Láp 2	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
suối Bằng Giang	TV	xã Quý Quân	H. Hà Quảng			22° 53' 30"	106° 00' 59"	22° 50' 40"	106° 02' 17"	F-48-33-A+21-C
xóm Keng Tao	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Khuổi Tàu	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 43"	10° 60' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đáy	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Mới	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 50' 32"	106° 01' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xâm	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng							
xóm Nà Pò - Khuổi Luông	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 52' 38"	106° 01' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Tênh Cà Lừa	DC	xã Quý Quân	H. Hà Quảng	22° 51' 05"	106° 01' 59"					F-48-33-A+21-C
suối Bằng Giang	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 55"	106° 00' 17"	22° 53' 30"	106° 00' 59"	F-48-33-A+21-C
suối Bó Tàu	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 59"	105° 57' 26"	22° 56' 31"	105° 58' 20"	F-48-32-B+20-D
núi Cầm Dăng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 57' 59"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Nghiêu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Vương	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 34"	105° 59' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Địa Lan	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	105° 59' 29"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh Đôn Chương - Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 38"	105° 59' 34"	22° 50' 00"	106° 00' 58"	F-48-33-A+21-C; F-48-32-B+20-D
xóm Háng Cẩu	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 21"	106° 00' 07"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Kỳ	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	22° 56' 59"	105° 57' 26"	F-48-33-A+21-C
khuổi Khuổi Ninh	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 54' 15"	106° 01' 12"	22° 53' 55"	106° 01' 20"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Cùm	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 13"	105° 59' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Mật	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 58"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Pươi	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 54"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rải	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 01"	105° 58' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Cháo	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 06"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nghiêng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 00' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Phái	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 13"	105° 58' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Sác	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 23"	105° 59' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Pác Khang	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 04"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Tao	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 00' 14"					F-48-33-A+21-C
núi Phia Khao	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 36"	105° 59' 07"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phía Mạ	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	105° 59' 05"					F-48-32-B+20-D
núi Phía Tăng	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 00' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Pò Háng	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 58"	105° 59' 55"					F-48-33-A+21-C
núi Sát Nhân	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 25"	105° 59' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Sỉ Pài	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 53' 18"	106° 00' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Sóc Giang	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 00' 29"					F-48-33-A+21-C
cửa khẩu Sóc Giang	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 22"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
đồn biên phòng Sóc Hà	KX	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 12"	106° 00' 36"					F-48-33-A+21-C
núi Tràm	SV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	105° 58' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Trúc Long	DC	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 15"	105° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
suối Trúc Long	TV	xã Sóc Hà	H. Hà Quảng			22° 56' 31"	105° 58' 20"	2° 25' 63"	105° 59' 47"	F-48-32-B+20-D
núi Cà Xát	SV	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 09"	106° 11' 18"					F-48-33-A+21-C
núi Canh Dừng	SV	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 48"	106° 12' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Sớ	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Kính Dưới	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 35"	106° 10' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Kính Trên	DC	xã Sỷ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 57"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Bông	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 51' 54"	106° 11' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Quảng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 40"	106° 12' 26"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Túp	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 11"	106° 11' 57"					F-48-33-A+21-C
xóm Nậm Thuốm	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 32"	106° 11' 08"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Kiêng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 32"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
núi Quang Tán	SV	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 24"	106° 12' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Tuồng	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 52' 18"	106° 10' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Ủng Luộc	DC	xã Sỹ Hai	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 12' 01"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng			22° 55' 50"	106° 06' 43"	22° 55' 41"	106° 09' 46"	
trường PTTH Vùng Cao	KX	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng							
xóm Cả Giang	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 10"	106° 07' 47"					F-48-33-A+21-C
Cá Rải	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 33"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Thổ	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 53' 49"	106° 08' 10"					F-48-33-A+21-C
xóm Chàng Đì	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 10"	106° 07' 19"					F-48-33-A+21-C
Đại Tổng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 29"	106° 10' 18"					F-48-33-A+21-C
xóm Lăng Pía	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 11"	106° 07' 28"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Hòa	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 08' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Mùm	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tản	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 06' 49"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Táy	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 47"	106° 07' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Năm Giát	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Théc	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 56' 06"	106° 09' 14"					F-48-33-A+21-C
xóm Táy Dưới	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 52' 30"	106° 07' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Táy Trên	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 08' 06"					F-48-33-A+21-C
núi Tênh Keng	SV	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C
xóm Tổng Cáng	DC	xã Thượng Thôn	H. Hà Quảng	22° 54' 13"	106° 07' 30"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 210	KX	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 55' 09"	106° 12' 27"	F-48-33-A+21-C
núi Bông	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 23"	106° 11' 02"					F-48-33-A+21-C
lũng Cáo	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 12"	106° 15' 14"					F-48-33-B
xóm Cột Nưa	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 22"	106° 13' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Cột Phó	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 56"	106° 13' 27"					F-48-33-A+21-C
lũng Keng Lạn	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 57' 08"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kéo Sỷ	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
lũng Kít	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 14' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Ái	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 16"	106° 11' 30"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Giông	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 55' 46"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Rì	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 55' 07"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 55' 26"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tùm - Lũng Mẩn	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 59"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
lũng Mò Tóc	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 14' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Ngườm Luông	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 26"	106° 14' 23"					F-48-33-A+21-C
Pác Có	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 55' 59"	106° 14' 32"					F-48-33-A+21-C
núi Pác Ô	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 31"	106° 13' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Pải Bá	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 53' 40"	106° 13' 07"					F-48-33-A+21-C
lũng Pàng	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 36"	106° 15' 27"					F-48-33-B
xóm Rằng Hán	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 05"	106° 13' 41"					F-48-33-A+21-C
xóm Thiêng Ngọa	DC	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 40"	106° 12' 06"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồn biên phòng Tổng Cột	KX	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 54' 20"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
lũng Tý	SV	xã Tổng Cột	H. Hà Quảng	22° 56' 47"	106° 13' 47"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 55' 36"	106° 02' 47"	22° 59' 06"	106° 02' 47"	F-48-33-A+21-C
suối Bản Hoàng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 57' 35"	10° 60' 38"	22° 57' 41"	106° 02' 22"	F-48-33-A+21-C
thủy điện Bản Hoàng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 35"	106° 01' 47"					F-48-33-A+21-C
cầu Bó Bầm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 55"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Các Mác	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 06"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
hang Cốc Bó	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 18"	106° 03' 04"					F-48-33-A+21-C
đồi Cốc Lùng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 02' 08"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Rược	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 47"	106° 03' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoang 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 32"	106° 01' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Hoang 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 24"	106° 02' 03"					F-48-33-A+21-C
suối Khuổi Hong	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 00' 30"	22° 57' 32"	106° 01' 51"	F-48-33-A+21-C
mộ Kim Đồng	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 03"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
suối Lê Nin	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 31"	106° 02' 55"	22° 55' 38"	106° 02' 43"	F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Giáo	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 16"	106° 03' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Kéo	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 55' 42"	106° 02' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Lặng	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							
đồi Nà Lặng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 43"	106° 01' 12"					F-48-33-A+21-C
suối Nà Lặng	TV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng			22° 58' 55"	106° 01' 36"	22° 58' 25"	106° 01' 18"	F-48-33-A+21-C
đồi Nà Lặng Nưa	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 14"	106° 01' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Mạ	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 30"	106° 02' 43"					F-48-33-A+21-C
dãy núi Nà Mạ	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 24"	106° 03' 08"					F-48-33-A+21-C
cầu Nà Ngàm	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 46"	106° 02' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Lìn	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Pác Bó	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 52"	106° 03' 05"					F-48-33-A+21-C
khu di tích Pác Bó	KX	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 39"	106° 02' 58"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Càng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 18"	106° 02' 16"					F-48-33-A+21-C
núi Phía Đeng	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 56' 52"	106° 02' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Hoàng 1	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng							F-48-33-A+21-C
xóm Thôn Hoàng 2	DC	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 57' 51"	106° 02' 38"					F-48-33-A+21-C
thung lũng Thông Ma	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 58' 28"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Xưa Thai	SV	xã Trường Hà	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 03' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Khèng	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng							
xóm Cha Vạc	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 09' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Mười	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 59' 07"	106° 07' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Phầy	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 25"	106° 09' 33"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Đa	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 58"	106° 08' 50"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Rầu	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 49"	106° 08' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thóc	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 57' 52"	106° 07' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Đin	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 37"	106° 08' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Nhi Đủ	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 08' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Có	DC	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 59' 09"	106° 09' 36"					F-48-33-A+21-C
đồi Tăng Đồi	SV	xã Vân An	H. Hà Quảng	22° 58' 29"	106° 09' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Keng Vài	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 24"	106° 04' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Kha Bản	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Cuối	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 19"	106° 06' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Gà	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 18"	106° 05' 33"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Giàng	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 49"	106° 05' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 52' 59"	106° 06' 09"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Kim	SV	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 00"	106° 05' 40"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Nải	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng							
xóm Lũng Sang	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 32"	106° 04' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tu	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 55"	106° 04' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Vén	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 53' 52"	106° 06' 22"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Xám	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng							
xóm Pác Keng	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 53' 57"	106° 05' 36"					F-48-33-A+21-C
xóm Sỷ Diêng	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 54' 43"	106° 06' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Tôm Đăm	DC	xã Vân Dính	H. Hà Quảng	22° 55' 27"	106° 04' 50"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	T.T. Nước Hai	H. Hòa An			22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-33-C
tổ 1 Dã Hương	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Hoàng Bó	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố A	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố B	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 1 Phố Giữa	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Dã Hương	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Hoàng Bó	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố A	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C
tổ 2 Phố B	DC	T.T. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
tổ 2 Phố Giữa quốc lộ 3 xóm Bản Săng xóm Bóc Thượng 1 xóm Bóc Thượng 2 xóm Đầu Cầu sông Hiến núi Khau Cầu núi Khau Lá núi Khau Mười núi Khau Quân núi Khuổi Bao xóm Khuổi Kép hồ Khuổi Lái xóm Nà Luông suối Nà Ngò Nà Roác xóm Nà Roác 1 xóm Nà Roác 2 xóm Nà Roác 3 xóm Nà Tủ núi Ngâm Hoài xóm Pác Nà núi Phia Đim núi Phia Hu xóm Phiêng Lừa đèo Tài Hồ Sín đường tỉnh 203	DC	TT. Nước Hai	H. Hòa An							F-48-33-C	
	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An			22° 39' 55"	106° 11' 42"	22° 35' 20"	106° 09' 01"	F-48-32-C	
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 37' 09"	106° 12' 07"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 33' 03"	106° 10' 09"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 33' 31"	106° 10' 37"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 35' 56"	106° 10' 29"					F-48-33-C
	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An				22° 35' 45"	106° 08' 56"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 32' 48"	106° 11' 27"					F-48-33-C
	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 34' 01"	106° 11' 32"					F-48-33-C
	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 35' 13"	106° 11' 00"					F-48-33-C
	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 33' 31"	106° 11' 32"					F-48-33-C
	SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 35' 32"	106° 09' 08"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 38' 15"	106° 10' 44"					F-48-33-C
	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 38' 51"	106° 10' 37"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An								
	TV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An				22° 32' 55"	106° 09' 13"	22° 33' 03"	106° 12' 03"	F-48-33-C
	KX	xã Bạch Đằng	H. Hòa An								F-48-32-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 39' 02"	106° 11' 03"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 39' 27"	106° 11' 40"					F-48-33-C
	DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 38' 41"	106° 11' 25"					F-48-33-C
DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 36' 24"	106° 11' 09"					F-48-33-C	
SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 36' 38"	106° 09' 48"					F-48-33-C	
DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 37' 12"	106° 11' 54"					F-48-33-C	
SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 36' 19"	106° 12' 39"					F-48-33-C	
SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 34' 36"	106° 10' 59"					F-48-33-C	
DC	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 36' 30"	106° 11' 51"					F-48-33-C	
SV	xã Bạch Đằng	H. Hòa An		22° 36' 45"	106° 10' 19"					F-48-33-C	
	KX	xã Bé Triều	H. Hòa An				22° 44' 04"	106° 09' 20"	22° 42' 20"	106° 11' 00"	F-48-32-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm An Phú	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Bàn Sậy	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 06"	106° 09' 43"					F-48-33-C
xóm Bàn Vạn 1	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 59"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Bàn Vạn 2	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Chung Mu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 24"	106° 09' 30"					F-48-33-C
xóm Đà Lạn	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 10' 08"					F-48-33-C
xóm Đông Vỉao	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 42"	106° 09' 47"					F-48-33-C
xóm Khao Còi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 00"	106° 09' 56"					F-48-33-C
xóm Khau Hoa	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 15"	106° 10' 12"					F-48-33-C
xóm Khuổi Vạ	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 21"	106° 10' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lăng Phia (Lăng Phĩa)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Bư	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 10' 52"					F-48-33-C
xóm Nà Mò	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 45' 14"	106° 10' 21"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pịa (Nà Pĩa)	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An							
xóm Nà Sa - Nà Gường	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 48"	106° 10' 47"					F-48-33-C
hồ Nà Tầu	TV	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 17"	106° 11' 24"					F-48-33-C
xóm Nà Vải	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Vầu	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 42' 43"	106° 10' 27"					F-48-33-C
xóm Pác Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 32"	106° 09' 16"					F-48-33-C
Thủy Lợi	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Vò Đáo	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 09' 51"					F-48-33-C
xóm Vò Gà	DC	xã Bế Triều	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 11' 54"					F-48-33-C
xóm Bó Mỹ	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 01"	106° 08' 28"					F-48-33-C
sông Hiền	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An			22° 37' 08"	106° 06' 48"	22° 35' 45"	106° 08' 56"	F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
điểm du lịch Khuổi Lải	KX	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 08"	106° 10' 48"					F-48-33-C
xóm Khuổi Lầy	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 36' 25"	106° 07' 54"					F-48-33-C
xóm Khuổi Rì	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 09' 30"					F-48-33-C
núi Là Nìn	SV	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 22"	106° 09' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Hoan	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 46"	106° 08' 55"					F-48-33-C
xóm Nà Niên	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 07"	106° 08' 46"					F-48-33-C
xóm Nà Phụng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 37' 36"	106° 09' 38"					F-48-33-C
Nà Toàn	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 17"	106° 08' 39"					F-48-33-C
xóm Nà Vương	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 39' 34"	106° 09' 29"					F-48-33-C
xóm Thín Tăng	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 22"	106° 09' 05"					F-48-33-C
Vò Đại	DC	xã Bình Dương	H. Hòa An	22° 38' 31"	106° 09' 21"					F-48-33-C
núi Gũ Nhiều	SV	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 07' 23"					F-48-33-C
xóm Ang Giảng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 05"	106° 07' 46"					F-48-33-C
xóm Bàn Sếng	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
sông Bằng Giang	TV	xã Bình Long	H. Hòa An					22° 44' 47"	106° 07' 23"	106° 09' 09"
xóm Bó Roòm	DC	xã Bình Long	H. Hòa An							
xóm Cốc Lại	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 48"	106° 08' 05"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Bình Long	H. Hòa An					22° 43' 30"	106° 06' 06"	106° 09' 09"
xóm Đoòng Kinh	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 25"	106° 07' 56"					F-48-33-C
xóm Đức Bình	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 41"	106° 07' 08"					F-48-33-C
xóm Khuổi Luông	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 34"	106° 06' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Chung	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 42' 54"	106° 07' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Bát	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 43' 52"	106° 07' 36"					F-48-33-C
xóm Nà Giáo	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 08' 10"					F-48-33-C
DTLS Nhà ông Bé Ích Bông	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nhà ông Đàm Nhật Chánh	KX	xã Bình Long	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Cam	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 07' 35"					F-48-33-C
xóm Pác Gậy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 07' 15"					F-48-33-C
xóm Thái Cường	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 08' 30"					F-48-33-C
xóm Thang Lầy	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 08' 27"					F-48-33-C
xóm Thua Khau	DC	xã Bình Long	H. Hòa An	22° 44' 26"	106° 07' 18"					F-48-33-C
núi Kéo Lắm	SV	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 44' 10"	106° 01' 36"					F-48-33-C
núi Lũng Cùm	SV	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 42' 04"	106° 01' 34"					F-48-33-C
xóm Cốc Phăng	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 40"	106° 01' 13"					F-48-33-C
Già Vài	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 42' 57"	106° 02' 16"					F-48-33-C
xóm Lũng Diêu	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 42' 41"	106° 01' 32"					F-48-33-C
xóm Lũng Mai	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 01' 40"					F-48-33-C
xóm Lũng Oong	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 02' 22"					F-48-33-C
Lũng Pén	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 02' 08"					F-48-33-C
Lũng Rươi	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 46"	106° 01' 32"					F-48-33-C
Lũng Sao	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 03"	106° 01' 41"					F-48-33-C
Lũng Xen	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 02' 14"					F-48-33-C
Nà Sám	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 02' 02"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Công Trùng	H. Hòa An			22° 40' 54"	106° 02' 35"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Oong Mận	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 17"	106° 01' 43"					F-48-33-C
Pác Cơi	DC	xã Công Trùng	H. Hòa An	22° 43' 25"	106° 01' 01"					F-48-33-C
xóm Héc Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 11' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Héc Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 12' 11"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Tắt	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An							
núi Khèo Khao	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 41"	106° 12' 54"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Háng	SV	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 26"	106° 11' 49"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 12' 46"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Chang	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 05"	106° 11' 29"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Nưa	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 36"	106° 12' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Má Tẩu	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 12' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Bon	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 11' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 52"	106° 12' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khan	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 45' 49"	106° 10' 33"					F-48-33-A+21-C
Nà Vinh	DC	xã Đại Tiến	H. Hòa An	22° 46' 12"	106° 11' 11"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 47' 08"	106° 05' 38"	22° 48' 03"	106° 02' 07"	F-48-33-A+21-C
xóm Bản Chang	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 09"	106° 03' 28"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Dừa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 04' 34"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Hóa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 01"	106° 05' 58"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Mạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 04' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Bản Sinh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 50"	106° 04' 42"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bằng Giang	TV	xã Dân Chủ	H. Hòa An			22° 50' 40"	106° 02' 17"	22° 46' 25"	106° 05' 29"	F-48-33-A+21-C
xóm Bó Ninh	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Danh Sỷ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 55"	106° 04' 53"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông An	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Hoàng Sùm	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Kéo Thín	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Khau Khá	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 48"	106° 06' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Bốc	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 48"	106° 02' 57"					F-48-33-A+21-C
Khuổi Mòng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 25"	106° 03' 14"					F-48-33-A+21-C
Khuổi Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 50' 35"	106° 02' 15"					F-48-33-A+21-C
Liên Oa	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 06' 19"					F-48-33-A+21-C
Lũng Duống	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 02' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lạ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Lũng Lịu	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
Lũng Mản	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 25"	106° 02' 54"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Tao	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 07"	106° 05' 30"					F-48-33-A+21-C
Ma Pán	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 46"	106° 02' 06"					F-48-33-A+21-C
đèo Mã Quynh	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 03"	106° 02' 07"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Min Sáng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 57"	106° 05' 12"					F-48-33-A+21-C
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 03' 42"					F-48-33-A+21-C
Nà Cơ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 40"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Đán	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Mèo	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 26"	106° 05' 57"					F-48-33-A+21-C
Nà Min	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 44"	106° 05' 13"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Nhữ	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An							
xóm Nà Phia	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 55"	106° 05' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Sắng	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 08"	106° 05' 02"					F-48-33-A+21-C
mỏ sắt Ngườm Cháng	KX	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 11"	106° 05' 19"					F-48-33-A+21-C
xóm Pác Bó	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 10"	106° 04' 47"					F-48-33-A+21-C
xóm Phắc Cát	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 46' 14"	106° 03' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Pò Mì	SV	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 49' 06"	106° 04' 27"					F-48-33-A+21-C
Tân Hương	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 48' 31"	106° 03' 54"					F-48-33-A+21-C
Vản Gà	DC	xã Dân Chủ	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 04' 30"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 203	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 45' 01"	106° 08' 23"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 204	KX	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 40"	106° 07' 07"	22° 47' 08"	106° 05' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chung	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 35"	106° 06' 34"					F-48-33A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Đức Long	H. Hòa An			22° 46' 25"	106° 05' 29"	22° 44' 41"	106° 08' 26"	F-48-33-A+21-C
xóm Bằng Hà 1	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 49"	106° 08' 50"					F-48-33-C
xóm Bằng Hà 2	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 01"	106° 08' 59"					F-48-33-C
xóm Cốc Lùng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 18"	106° 06' 48"					F-48-33A+21-C
xóm Cốc Phát	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 39"	106° 06' 35"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Huông	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 04"	106° 07' 55"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Khang	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 07"	106° 06' 08"					F-48-33A+21-C
xóm Khau Lý	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							F-48-33A+21-C
xóm Khuổi Ghện	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 11"	106° 05' 42"					F-48-33A+21-C
núi Khuổi Lúa	SV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 55"	106° 04' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Coóc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 16"	106° 08' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Dào - Nà Hoàng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							F-48-33A+21-C
xóm Nà Đông	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 36"	106° 07' 23"					F-48-33A+21-C
xóm Nà Đuốc	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 56"	106° 06' 46"					F-48-33A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Gọn	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Hăng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Khau	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 05"	106° 06' 49"					F-48-33A+ 21-C
xóm Nà Mỏ	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 23"	106° 07' 52"					F-48-33A+ 21-C
xóm Nà Mỏ - Bản Mới	DC	xã Đức Long	H. Hòa An							
xóm Nà Niên	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 58"	106° 07' 22"					F-48-33- A+21-C
xóm Nà Pảng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 47' 02"	106° 05' 59"					F-48-33A+ 21-C
Nậm Thong	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 37"	106° 06' 56"					F-48-33- A+21-C
xóm Pác Nà - Nà Loòng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 53"	106° 07' 04"					F-48-33A+ 21-C
xóm Phai Thín	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 34"	106° 07' 29"					F-48-33- A+21-C
xóm Phía Gào	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 30"	106° 08' 36"					F-48-33- A+21-C
hồ Phía Gào	TV	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 08' 30"					F-48-33- A+21-C
xóm Phía Tráng	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 13"	106° 07' 29"					F-48-33A+ 21-C
xóm Thắc Tháy	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 44' 55"	106° 08' 03"					F-48-33A+ 21-C
xóm Thua Cáy	DC	xã Đức Long	H. Hòa An	22° 46' 40"	106° 06' 12"					F-48-33A+ 21-C
xóm Ca Rài	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Kéo Khao	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 12' 59"					F-48-33-A+21-C
núi Kéo Tắt	SV	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 15' 09"					F-48-33-B
xóm Lũng Duốc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An							
xóm Lũng Rì	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 46' 17"	106° 13' 42"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Thốc	DC	xã Đức Xuân	H. Hòa An	22° 47' 43"	106° 13' 27"					F-48-33-A+21-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 38' 10"	106° 18' 46"	22° 35' 26"	106° 21' 38"	F-48-33-D
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 09"	106° 20' 08"					F-48-33-D
xóm Khuổi Lũng	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 50"	106° 19' 22"					F-48-33-D
Khuổi Pìong	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 36' 59"	106° 20' 38"					F-48-33-D
xóm Lũng Mẩn	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 00"	106° 21' 22"					F-48-33-D
xóm Nà Lai	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 20"	106° 20' 33"					F-48-33-D
xóm Nà Mùi	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An							
xóm Nặm Tàn	DC	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 38' 18"	106° 20' 18"					F-48-33-D
núi Phía Deng	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 35' 59"	106° 21' 25"					F-48-33-D
đồi Roong Rắc	SV	xã Hà Trì	H. Hòa An	22° 37' 29"	106° 19' 18"					F-48-33-D
suối Roong Rắc	TV	xã Hà Trì	H. Hòa An			22° 37' 43"	106° 20' 28"	22° 37' 07"	106° 20' 33"	F-48-33-D
đền Vua Lê	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bân Chạp	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 10' 31"					F-48-33-C
xóm Bân Giài	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 54"	106° 10' 26"					F-48-33-C
xóm Bân Tấn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 39' 55"	106° 10' 06"					F-48-33-C
xóm Bân Đò	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 10' 46"					F-48-33-C
xóm Bó Bùn	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 23"	106° 09' 36"					F-48-33-C
xóm Bó Léch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 06"	106° 09' 50"					F-48-33-C
DTLS Cốc Phát	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Hào Lịch	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 51"	106° 09' 01"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kê Nông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 26"	106° 09' 58"					F-48-33-C
xóm Khau Luông	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 09' 44"					F-48-33-C
xóm Khuổi Áng	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 09' 10"					F-48-33-C
hồ Khuổi Áng	TV	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 41' 21"	106° 09' 26"					F-48-33-C
xóm Làng Đền	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 35"	106° 10' 21"					F-48-33-C
xóm Na Lữ	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 42' 10"	106° 10' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Nám	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An	22° 40' 15"	106° 09' 21"					F-48-33-C
xóm Na Riềm	DC	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							
DTLS Nậm Lìn	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Ngườm Sưa	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
nhà máy Sắt Xốp	KX	xã Hoàng Tung	H. Hòa An							F-48-33-C
Bó Pía	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 20"	106° 21' 58"					F-48-33-D
Chà Lầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 14"	106° 23' 05"					F-48-33-D
núi Cốc Páng	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 47"	106° 20' 34"			22° 34' 19"	106° 20' 19"	F-48-33-D
suối Kém Coóng	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An						106° 21' 48"	F-48-33-D
xóm Kém Coóng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 57"	106° 21' 30"					F-48-33-D
Khau Thây	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 20"	106° 21' 34"					F-48-33-D
xóm Kháy Tầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 21"	106° 22' 04"					F-48-33-D
Khuổi Khun	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 12"	106° 22' 58"					F-48-33-D
suối khuổi Linh	TV	xã Hồng Nam	H. Hòa An					22° 34' 31"	106° 22' 20"	F-48-33-D
xóm Khuổi Linh	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An							
xóm Khuổi Sàng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 30"	106° 23' 16"					F-48-33-D
Linh Đầu	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 49"	106° 22' 39"					F-48-33-D
Linh Nọc	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 42"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Cải	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 01"	106° 21' 14"					F-48-33-D
Lũng Nhùng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 47"	106° 21' 29"					F-48-33-D
Nà Mươi	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 35"	106° 22' 37"					F-48-33-D
Ná Ngườm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 38"	106° 21' 52"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Tổng	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 17"	106° 22' 38"					F-48-33-D
Ngưôm Cuông	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 32' 59"	106° 23' 41"					F-48-33-D
Pác Sầm	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 33' 14"	106° 23' 42"					F-48-33-D
Phia Ban	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 47"	106° 23' 10"					F-48-33-D
Phia Tén	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 31' 31"	106° 22' 43"					F-48-33-D
Phiêng Phia	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 35' 00"	106° 22' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Phia - Cốc Cam	DC	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 34"	106° 22' 46"					F-48-33-D
núi Tóc Lang	SV	xã Hồng Nam	H. Hòa An	22° 34' 22"	106° 20' 53"					F-48-33-D
xóm Bàn Giàng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Bàn Nua	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 08' 54"					F-48-33-C
sông Bằng Giang	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 44' 08"	106° 09' 09"	22° 42' 48"	106° 10' 11"	F-48-33-C
hang Bó Hoài	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
hang Bó Tháy	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Dẻ Đơng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 08' 49"					F-48-33-C
sông Dẻ Rào	TV	xã Hồng Việt	H. Hòa An			22° 43' 30"	106° 06' 06"	22° 44' 08"	106° 09' 09"	
xóm Đơng Chia	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 30"	106° 09' 12"					F-48-33-C
đền Giẻ Đơng	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
Lũng Hoài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 09"	106° 08' 22"					F-48-33-C
xóm Lũng Pháy	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
vách núi Lũng Sa	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Nà Dương	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 50"	106° 08' 23"					F-48-33-C
xóm Nà Ky	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 09' 02"					F-48-33-C
xóm Nà Mè	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 32"	106° 09' 27"					F-48-33-C
xóm Nà Tềng	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Nà Vải	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 43' 57"	106° 08' 38"					F-48-33-C
xóm Nà Ván	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
DTLS Nền nhà ông Mã Văn Hân	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hang Ngườm Bốc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
thành Nhà Mạc	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
núi Phía Rạc	SV	xã Hồng Việt	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 07' 24"					F-48-33-C
hang Tóc Rù	KX	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Vò Ấu	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Vò Rài	DC	xã Hồng Việt	H. Hòa An							F-48-33-C
xóm Gòong Chang	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 35"	106° 16' 14"					F-48-33-D
xóm Gòong Nura	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 35' 52"	106° 16' 39"					F-48-33-D
suối Gòong Nura	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 35' 56"	106° 16' 42"	22° 36' 10"	106° 16' 31"	F-48-33-D
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 41"	106° 12' 58"	22° 38' 48"	106° 14' 38"	F-48-33-C
sông Hiến	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 11"	106° 13' 39"	22° 37' 42"	106° 13' 00"	F-48-33-C
suối Hồng Bạch	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 36' 10"	106° 16' 31"	22° 36' 52"	106° 16' 04"	F-48-33-D
suối Hồng Minh	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 37' 02"	106° 14' 48"	22° 38' 08"	106° 14' 30"	F-48-33-C
núi Khuổi Cáy	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 27"	106° 15' 13"					F-48-33-D
núi Khuổi Gòong	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 35' 41"	106° 15' 49"					F-48-33-D
xóm Khuổi Thán	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 34' 59"	106° 16' 01"					F-48-33-D
suối Khuổi Thán	TV	xã Lê Chung	H. Hòa An			22° 34' 50"	106° 16' 33"	22° 35' 32"	106° 15' 09"	F-48-33-D
xóm Nà Đin	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 10"	106° 13' 13"					F-48-33-C
xóm Nà Mán	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 54"	106° 15' 34"					F-48-33-D
xóm Nà Mười - Khuổi Diên	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An							
xóm Nà Tổng	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 32"	106° 13' 44"					F-48-33-C
xóm Pác Háo - Nà Pìn	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 48"	106° 13' 24"					F-48-33-C
xóm Pác Khuổi	DC	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 38' 34"	106° 14' 22"					F-48-33-C
khau Quân	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 36' 23"	106° 14' 19"					F-48-33-C
núi Tàng Xê Nhật	SV	xã Lê Chung	H. Hòa An	22° 37' 51"	106° 15' 53"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường tỉnh 203	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 46' 56"	106° 06' 55"	22° 48' 47"	106° 06' 48"	F-48-33-A+21-C
núi Bàn Chang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 09' 06"					F-48-33-A+21-C
xóm Bó Báng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 08' 12"					F-48-33-A+21-C
núi Chang Giang	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 41"	106° 10' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Cốc Lùng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 07' 37"					F-48-33-A+21-C
núi Đan Khao	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 36"	106° 08' 35"					F-48-33-A+21-C
núi Đán Kheo	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 49' 20"	106° 09' 37"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Hoan - Đông An	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 58"	106° 09' 43"					F-48-33-A+21-C
xóm Đông Láng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 51"	106° 07' 27"					F-48-33-A+21-C
xóm Háng Hóa	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 42"	106° 06' 32"					F-48-33-A+21-C
xóm Khau Lềm	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 45' 50"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
núi Lăng Rườn	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 59"	106° 07' 46"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Cầm	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 46"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Giàng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 34"	106° 09' 11"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ban - Pác Muồng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 46"	106° 09' 44"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Đán - Vò Khuốt	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 13"	106° 07' 17"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Diều	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 15"	106° 08' 24"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Hoài	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 09' 01"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 50"	106° 08' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Khao	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 07' 40"					F-48-33-A+21-C
suối Nà Khao	TV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An			22° 48' 31"	106° 06' 55"	22° 46' 57"	106° 07' 30"	F-48-33-A+21-C
xóm Nà Ngoải - Chỏ Siêu	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 09' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Quý	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 36"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Rị	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 24"	106° 06' 45"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Thang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 59"	106° 06' 48"					F-48-33-A+21-C
hang Nghi Răng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Hoài	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Mác Men	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
Ngườm Póng	KX	xã Nam Tuấn	H. Hòa An							F-48-33-A+21-C
núi Pác Mỹ	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 58"	106° 08' 40"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Pan	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 06"	106° 07' 44"					F-48-33-A+21-C
núi Róng Răng	SV	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 09"	106° 10' 05"					F-48-33-A+21-C
xóm Rong Răng	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 05"	106° 09' 25"					F-48-33-A+21-C
xóm Tàng Cải	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 32"	106° 06' 38"					F-48-33-A+21-C
xóm Văn Thụ	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 49"	106° 09' 51"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Chang	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 48' 01"	106° 09' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Vò Xá	DC	xã Nam Tuấn	H. Hòa An	22° 47' 47"	106° 09' 41"					F-48-33-A+21-C
quốc lộ 3	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 42' 26"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	
xóm Bản Gùn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 19"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Bản Máp	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 28"	106° 14' 53"					F-48-33-D
xóm Bản Phiếu	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 10"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Co Pheo	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 59"	106° 15' 59"					F-48-33-B
suối Gùn	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 41' 37"	106° 15' 38"	22° 41' 20"	106° 16' 15"	F-48-33-D
núi Kéo Tắt	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 46"	106° 14' 02"					F-48-33-A+21-C
xóm Khuổi Hân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 33"	106° 15' 51"					F-48-33-D
suối Khuổi Hân	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An							
xóm Khuổi Hoi	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 13' 34"					F-48-33-C
suối Khuổi Hoi	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 43' 57"	106° 13' 46"	22° 43' 23"	106° 13' 36"	F-48-33-C
xóm Khuổi Khoán	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 03"	106° 12' 50"					F-48-33-C
suối Khuổi Khoán	TV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An			22° 44' 49"	106° 14' 01"	22° 44' 25"	106° 13' 14"	F-48-33-C
xóm Khuổi Lửa	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 18"	106° 16' 48"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Quân	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 16' 20"					F-48-33-D
núi Lũng Chính	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 45"	106° 16' 11"					F-48-33-B
xóm Lũng Gà	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 38"	106° 16' 15"					F-48-33-B
xóm Lũng Luông	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 27"	106° 16' 17"					F-48-33-B
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 42"	106° 16' 43"					F-48-33-D
xóm Nà Mẩn	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 27"	106° 15' 12"					F-48-33-D
xóm Nà Tú	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 04"	106° 14' 45"					F-48-33-C
cầu Nậm Pang	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 16' 49"					F-48-33-D
xóm Pác Bó	DC	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 44' 35"	106° 17' 29"					F-48-33-D
núi Sam Tằng	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 12' 58"					F-48-33-C
núi Thảng Kiêu	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 46' 19"	106° 16' 18"					F-48-33-B
trạm Thủy điện T8	KX	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 16' 33"					F-48-33-D
núi Vò Diễm	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 12"	106° 13' 30"					F-48-33-A+21-C
núi Xá Lúa	SV	xã Ngũ Lão	H. Hòa An	22° 45' 24"	106° 16' 59"					F-48-33-B
quốc lộ 3	KX	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An			22° 43' 11"	106° 19' 54"	22° 42' 26"	106° 16' 49"	F-48-33-D
xóm An Lại	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 00"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi An Mạ	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Canh Biện A	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 47"	106° 18' 21"					F-48-33-D
xóm Canh Biện B	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 36"	106° 18' 31"					F-48-33-D
xóm Công An	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 44' 23"	106° 18' 43"					F-48-33-D
xóm Cùm Cuối	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 27"	106° 17' 42"					F-48-33-D
xóm Khau Chang	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 28"	106° 19' 34"					F-48-33-D
đèo Mã Phục	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Nà Danh	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 43' 18"	106° 18' 59"					F-48-33-D
xóm Nậm Loát	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 25"	106° 18' 06"					F-48-33-D
xóm Thang Tả	DC	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An							F-48-33-D
núi Thang Tả	SV	xã Nguyễn Huệ	H. Hòa An	22° 42' 47"	106° 17' 10"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Chính Năm	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 08"	106° 17' 24"					F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 48"	106° 18' 31"					F-48-33-D
suối Cốc Tém	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 38' 48"	106° 19' 36"	22° 38' 48"	106° 17' 56"	F-48-33-D
xóm Cộc Mỹ	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An							
xóm Đông Sắng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 26"	106° 19' 04"					F-48-33-D
núi Giã Vuông	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 17' 38"					F-48-33-D
suối Gùn	TV	xã Quang Trung	H. Hòa An			22° 41' 20"	106° 16' 15"	22° 42' 25"	106° 16' 46"	F-48-33-D
núi Kê Tái	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 04"	106° 18' 22"					F-48-33-D
xóm Khau Sùng - Khuổi Bắc	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 57"	106° 17' 32"					F-48-33-D
xóm Khuổi Khoang	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D
Lũng Pán	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 39"	106° 18' 35"					F-48-33-D
núi Lũng Thau	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 24"	106° 19' 10"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 19"	106° 17' 44"					F-48-33-D
Nà Cà	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 47"	106° 17' 08"					F-48-33-D
Nà Phiêng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 17' 00"					F-48-33-D
xóm Pàn Kềng	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 52"	106° 17' 13"					F-48-33-D
xóm Phan Thanh	DC	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 39' 03"	106° 19' 07"					F-48-33-D
núi Pì Ta	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 12"	106° 18' 49"					F-48-33-D
thủy điện Suối Cùn	KX	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 41' 11"	106° 11' 33"					F-48-33-C
núi Vò Nhật	SV	xã Quang Trung	H. Hòa An	22° 40' 03"	106° 17' 22"					F-48-33-D
xóm Bàn Cai	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 35"	106° 20' 41"					F-48-33-D
xóm Bàn Đơ (Bản Đầu)	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 46"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Bó Mu	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 00"	106° 18' 34"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 35"	106° 19' 51"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 53"	106° 19' 41"					F-48-33-D
xóm Cốc Phung	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 39' 12"	106° 20' 53"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đầy Mã	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 33"	106° 20' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Cút	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 49"	106° 20' 16"					F-48-33-D
núi Lũng Đồi	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 05"	106° 19' 36"					F-48-33-D
xóm Lũng Ma	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 17"	106° 20' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 42' 15"	106° 20' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 00"	106° 21' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Sào	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 41"	106° 19' 13"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 56"	106° 21' 23"					F-48-33-D
xóm Pàn Mỏ	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 38' 45"	106° 21' 05"					F-48-33-D
xóm Thua Tổng	DC	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 41' 59"	106° 19' 01"					F-48-33-D
núi Tinh Rào	SV	xã Trung Vương	H. Hòa An	22° 40' 38"	106° 20' 12"					F-48-33-D
xóm Bàn Chang	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 42' 40"	106° 03' 29"					F-48-33-C
sông Dè Rào	TV	xã Trung Lương	H. Hòa An			22° 44' 43"	106° 02' 17"	22° 43' 30"	106° 06' 06"	F-48-33-C
Nhà máy Điện Nà Ngàn	KX	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 42' 06"	106° 02' 54"					F-48-33-C
xóm Giang Lâm	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 45' 07"	106° 02' 52"					F-48-33-A+21-C
xóm Gù	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 43' 26"	106° 03' 37"					F-48-33-C
núi Kéo Nháng	SV	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 44' 13"	106° 02' 13"					F-48-33-C
núi Kéo Quăng	SV	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 44' 50"	106° 04' 30"					F-48-33-C
xóm Kéo Tầm	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 44' 44"	106° 02' 26"					F-48-33-C
núi Khuổi Ô	SV	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 41' 48"	106° 03' 56"					F-48-33-C
suối Khuổi Tầm	TV	xã Trung Lương	H. Hòa An			22° 42' 40"	106° 04' 17"	22° 43' 15"	106° 03' 26"	F-48-33-C
Lũng Lừa	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 41' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Mưa	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 43' 05"	106° 03' 37"					F-48-33-C
xóm Nà Ngàn	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 42' 17"	106° 04' 02"					F-48-33-C
Nà Pài	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 42' 52"	106° 03' 28"					F-48-33-C
xóm Nà Quang	DC	xã Trung Lương	H. Hòa An	22° 44' 12"	106° 03' 58"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Quang - Sam Luông	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 44"	106° 03' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Hoàng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 21"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Nà Quang - Tổng Pháy	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 20"	106° 03' 37"					F-48-33-C
Nà Ràng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 04' 29"					F-48-33-C
xóm Nà Thúm	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 43"	106° 03' 12"					F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Trương Lương	H. Hòa An			22° 41' 45"	106° 02' 51"	22° 44' 33"	106° 03' 38"	F-48-33-C
Phác Pheo	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 04"	106° 04' 47"					F-48-33-C
Phia Sưa	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 38"	106° 03' 33"					F-48-33-C
xóm Sam Luông	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 43' 55"	106° 04' 02"					F-48-33-C
xóm Sỉ Liêng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 12"	106° 03' 28"					F-48-33-C
Then Phong	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 42' 56"	106° 03' 31"					F-48-33-C
xóm Viêng	DC	xã Trương Lương	H. Hòa An	22° 44' 01"	106° 03' 28"					F-48-33-C
tổ 1	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 2	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình							F-48-32-D
tổ 5	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 57' 16"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình			22° 38' 53"	105° 58' 54"	22° 39' 17"	105° 56' 52"	F-48-32-D
xóm Bản Luộc	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 49"	105° 56' 59"					F-48-32-D
Cáp Cỏ	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 40"	105° 57' 43"					F-48-32-D
xóm Cốc Tầm	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 40' 00"	105° 58' 08"					F-48-32-D
xóm Khuổi Bó	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 23"	105° 57' 53"					F-48-32-D
xóm Nà Bon	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 22"	105° 57' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Con	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	105° 58' 30"					F-48-32-D
xóm Nà Kéo	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 17"	106° 59' 14"					F-48-32-D
Nà Phiêng	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 16"	105° 59' 07"					F-48-32-D
xóm Pác Mãn Ngoài	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 30"	105° 58' 34"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Mãn Trong	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 39' 34"	105° 58' 54"					F-48-32-D
tổ Tân Bình	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 57' 27"					F-48-32-D
xóm Thôm Sắn	DC	TT. Nguyễn Bình	H. Nguyễn Bình	22° 38' 24"	105° 57' 42"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 39' 24"	105° 50' 44"	F-48-32-D
xóm Hồng Hà	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 45"	105° 53' 48"					F-48-32-D
tổ Hồng Hữu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 01"	105° 53' 15"					F-48-32-D
tổ Hồng Nhi	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 38"	105° 54' 02"					F-48-32-D
tổ Hồng Trung	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 43"	105° 53' 00"					F-48-32-D
bệnh viện Mỏ	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 07"	105° 53' 14"					F-48-32-D
xóm Năm Slầu	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 25"	105° 51' 04"					F-48-32-D
đền Ông Bua	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình							
Mỏ Thiếc Tĩnh Túc	KX	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 39' 47"	105° 52' 20"					F-48-32-D
xóm Thôm Ó	DC	TT. Tĩnh Túc	H. Nguyễn Bình	22° 38' 17"	105° 54' 13"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình			22° 40' 15"	106° 04' 55"	22° 39' 40"	106° 02' 18"	F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 42"	106° 04' 10"					F-48-33-C
xóm Bản Ính	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 04' 27"					F-48-33-C
xóm Bản Nưa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 29"	106° 03' 59"					F-48-33-C
xóm Đông Rẻo	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 44"	106° 04' 25"					F-48-33-C
xóm Khuổi Lầu	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình							
Lũng Dục	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 38"	106° 01' 55"					F-48-33-C
xóm Lũng Nậm	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình							
Lũng Rằng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 17"	106° 03' 45"					F-48-33-C
sông Nguyễn Bình	TV	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình			22° 39' 41"	106° 02' 17"	22° 41' 45"	106° 02' 51"	F-48-33-C
Tà Páng	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 40' 24"	106° 02' 40"					F-48-33-C
xóm Tà Sa	DC	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 52"	106° 02' 53"					F-48-33-C
thủy điện Tà Sa	KX	xã Bắc Hợp	H. Nguyễn Bình	22° 39' 53"	106° 02' 39"					F-48-33-C

(Xem tiếp Công báo số 633 + 634)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng